



BẢN TIN CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 08/2025

Từ 03/03 - 07/03/2025

TIN NỔI BẬT CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

BỘ NỘI VỤ

CHIÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO

CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN

BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÒN THẮT THUYẾT

QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TỔNG BÍ THƯ:

**KHẨN TRƯỞNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh khẩn trương xây dựng và ban hành danh mục công nghệ chiến lược, phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia tập trung cho công nghệ chiến lược.



Tổng Bí thư Tô Lâm chủ trì phiên họp thứ hai của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Chiều ngày 04/3/2025, tại Trụ sở Trung ương Đảng, dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng ban Ban Chỉ đạo diễn ra phiên họp thứ 2 Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cùng dự có Thủ tướng Phạm Minh Chính.

Kết luận Phiên họp, Tổng Bí thư Tô Lâm biểu dương những kết quả khá toàn diện từ sau Phiên họp thứ nhất đến nay, nổi bật là đã kịp thời ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội với 12 cơ chế chính sách thí điểm để thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị vào thực tiễn.

Hay, việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng đã có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt là những tiện ích mang lại cho người dân, doanh nghiệp từ việc thực hiện Đề án 06 là tiền đề quan trọng để xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia trong thời gian tới.

Mặc dù vậy, Tổng Bí thư cũng chỉ rõ một số vấn đề cần tập trung khắc phục và triển khai quyết liệt trong thời gian tới. Theo Tổng Bí thư Tô Lâm cần tiếp tục gắn kết việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 18-NQ/TW để tái cấu trúc hệ thống quản lý từ Trung ương tới cơ sở, gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đảm bảo đồng bộ với hoạt động của 3 cấp chính quyền.

Tiếp tục hoàn thiện tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về thể chế chính sách đảm bảo nguồn lực, nhân lực triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

“Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025 bố trí ngân sách ít nhất 3% cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tiếp tục nâng 2% GDP trong 5 năm tiếp theo. Nghiên cứu phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia tập trung cho công nghệ chiến lược, có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân, tổ chức triển khai hoạt động này; hoàn thiện thể chế và thành lập Quỹ đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo chuyển đổi số”, Tổng Bí thư nhấn mạnh.

Tổng Bí thư đề nghị các Bộ, ngành, địa phương tập trung xây dựng hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số, đặc biệt là Trung tâm dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, về đất đai.

Tổng Bí thư cũng cho rằng, phải mạnh dạn lựa chọn đưa các sản phẩm, các giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhanh chóng đi vào thực tiễn, nhất là những sản phẩm do cơ quan doanh nghiệp phát triển đã thấy hiệu quả, tinh thần vừa làm vừa hoàn thiện, đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng.

Riêng về lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh xác định đây cũng là công nghệ mũi nhọn, đột phá và có kế hoạch triển khai nghiên cứu phát triển, ứng dụng ngay vào những lĩnh vực hành chính công, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số.

Cùng với đó khẩn trương xây dựng và ban hành danh mục công nghệ chiến lược, có Chương trình quốc gia phát triển công nghệ công nghiệp chiến lược, bao gồm Đề án phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia tập trung cho công nghệ chiến lược và lập quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược.

Nguồn: vov.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

KHẨN TRƯỞNG HOÀN THIỆN VIỆC SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, CHUẨN BỊ SẮP XẾP ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 05/3/2025, kết luận Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 2, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu thời gian tới, cùng với tập trung đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, ứng phó với cạnh tranh thương mại..., các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục hoàn thiện việc tinh gọn bộ máy và chuẩn bị cho việc sắp xếp đơn vị hành chính .

Kinh tế - xã hội tiếp tục xu hướng phát triển tích cực

Tại Phiên họp, Chính phủ tập trung đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội tháng 2 và 2 tháng; Chương trình mục tiêu quốc gia; tình hình giải ngân vốn đầu tư công; tình hình thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ và những trọng tâm chỉ đạo thời gian tới. Chính phủ cũng thảo luận việc sản xuất, xuất khẩu lúa gạo; tình hình triển khai dự án hạ tầng khu vực phía Nam, nhất là về vấn đề vật liệu san lấp phục vụ dự án tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Đặc biệt, các thành viên Chính phủ nhận định, phân tích bối cảnh, tình hình tháng 3 và thời gian tới, đề xuất trọng tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thời gian tới để năm 2025 phải tăng trưởng ít nhất 8%, tạo đà, tạo lực, tạo nền tảng, tạo khí thế mới để đạt mức tăng trưởng 2 con số trong những năm tiếp theo.

Chính phủ đánh giá, tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2025, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục tăng trưởng tích cực. Cả hệ thống chính trị, Nhân dân, doanh nghiệp, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chủ động, sáng tạo, khẳng định quyết tâm đưa nền kinh tế tăng tốc, bứt phá, thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà cho tăng trưởng hai con số trong thời gian tới.

Trong đó, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 2 tháng tăng 3,27% so với cùng kỳ. Thu ngân sách nhà nước đạt 25,4% dự toán, tăng 25,7% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 12%, xuất siêu ước đạt 1,47 tỷ USD. Tổng vốn FDI đăng ký hơn 6,9 tỷ USD, tăng 35,5% so với cùng kỳ; vốn thực hiện đạt gần 3 tỷ USD, tăng 5,4%.

Về giải ngân vốn đầu tư công, đến hết tháng 2, các Bộ, cơ quan và địa phương đã giao chi tiết 748,3 nghìn tỷ đồng, đạt 90,6% kế hoạch, ước thanh toán được 60,4 nghìn tỷ đồng, đạt 7,32% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Đối với 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, các Bộ, cơ quan, địa phương đã phân bổ chi tiết khoảng 20 nghìn tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch; ư ớc giải ngân vốn đầu tư gần 4,4 nghìn tỷ đồng, đạt khoảng 20% kế hoạch. Triển khai Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương cơ bản hoàn thành việc xây dựng kịch bản tăng trưởng.

Chính phủ nhận định, mặc dù đạt nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên, nhiều thách thức ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế đang gia tăng, nhất là những tác động từ bên ngoài. Các động lực tăng trưởng chưa thật sự có bứt tốc rõ nét. Các cấp, ngành, địa phương cần nỗ lực, khẩn trương, quyết liệt và đổi mới hơn nữa triển khai công việc, bảo đảm bám sát kế hoạch, kịch bản tăng trưởng đề ra; khẩn trương kiện toàn tổ chức bộ máy; theo dõi, nắm sát, phản ứng linh hoạt, hiệu quả trước tình hình, nhất là với việc các nước điều chỉnh chính sách, trong đó có chính sách thuế, xuất nhập khẩu.

Thủ tướng Chính phủ cho biết, trong tháng 2/2025, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo triển khai quyết liệt các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó các bộ, cơ quan, địa phương tập trung ngay vào xử lý công việc sau kỳ nghỉ Tết; khẩn trương thực hiện, hoàn thành việc tinh gọn, sắp xếp bộ

máy, bảo đảm thông suốt hoạt động của Chính phủ; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng với mục tiêu từ 8% trở.

Chính phủ tiếp tục tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tổ chức 8 cuộc làm việc với các doanh nghiệp trong và ngoài nước; góp phần tổ chức cuộc gặp giữa Người đứng đầu 3 Đảng, 3 Chính phủ Việt Nam - Lào - Campuchia; tổ chức thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số quốc gia; đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh; đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

Cũng trong tháng 2, Chính phủ trình sửa đổi, bổ sung Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; ban hành 38 Nghị định, 18 Nghị quyết, 23 Công điện, 2 chỉ thị; tổ chức 1 Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật; ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho 24 đoàn công tác của thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương; thành lập 7 đoàn kiểm tra về rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án giao thông trọng điểm; tổ chức tốt các ngày lễ lớn.

Cùng với đó, Chính phủ kiểm tra, đôn đốc, giải quyết vướng mắc các dự án hạ tầng trọng điểm như sân bay Long Thành, Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; làm việc, giải quyết kiến nghị của Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng...

Nhất trí với đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tháng 2 và 2 tháng đầu năm tốt hơn cùng kỳ, với 8 kết quả nổi bật; đồng thời chỉ rõ một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, thách thức, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, việc phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP 8% trở lên trong năm 2025 vẫn còn là thách thức lớn và cần tiếp tục nỗ lực hết sức mình.

Chuẩn bị đổi sách cho các vấn đề phát sinh trong cạnh tranh thương mại thế giới

Nêu các nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, bài học kinh nghiệm, quan điểm chỉ đạo, điều hành; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; khẩn trương xây dựng Đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã trình Đảng ủy Chính phủ trước khi báo cáo Bộ Chính trị.

Nêu rõ nhiệm vụ giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp hài hòa, đồng bộ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm. Trong đó, phấn đấu giảm mặt bằng lãi suất, thông qua các công cụ lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cho vay qua đêm, lãi suất cho vay lĩnh vực ưu tiên mà Chính phủ đã chỉ đạo, lãi suất tín phiếu Ngân hàng; tăng thu, giảm chi, tiết kiệm chi; giảm thuế, phí và lệ phí...; bảo đảm vốn tín dụng cho nền kinh tế gắn với chất lượng tín dụng, tập trung cho sản xuất, kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, tuyệt đối không để thiếu vốn tín dụng cho nền kinh tế.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh phải đảm bảo không được để thiếu năng lượng, nhất là không để thiếu điện, dầu, điện, ga, khí; chuẩn bị cho cuộc họp của Chính phủ vào cuối tuần có đối sách các vấn đề phát sinh trong cạnh tranh thương mại, điều chỉnh chính sách của các nước, nhất là chính sách thuế và các vấn đề có liên quan tới Việt Nam, giải quyết các vướng mắc trong quan hệ kinh tế với Hoa Kỳ.

Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ, các Bộ, ngành, địa phương phải thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, nhất là Kết luận số 123-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ, cơ quan chủ trì khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn, Nghị định quy định chi tiết luật, Nghị quyết đã ban hành; tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật. Các bên liên quan rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét mở rộng áp dụng một số cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã được Quốc hội cho phép tại địa phương và đã phát huy hiệu quả; đẩy nhanh hoàn thiện thể chế cho các động lực tăng trưởng mới; hoàn thiện quy định về quản lý tài sản số, tiền kỹ thuật số.

Người đứng đầu Chính phủ chỉ đạo ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới. Trong đó, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mắc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình trọng điểm, quan trọng quốc gia; khẩn trương hoàn tất việc phân bổ toàn bộ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước. Trường hợp không phân bổ đúng hạn, Chính phủ sẽ thu hồi số vốn chưa phân bổ để bố trí cho các dự án khác cần vốn đẩy nhanh tiến độ; tăng cường xúc tiến, thu hút dự án FDI có quy mô lớn, công nghệ cao, nhất là trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn, hydrogen...; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp FDI để đẩy nhanh tiến độ các dự án.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu xây dựng kế hoạch chủ động triển khai các giải pháp phù hợp để thúc đẩy thương mại hài hòa, bền vững với Mỹ, Trung Quốc, các đối tác lớn. Khai thác hiệu quả 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết; thúc đẩy đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do mới, khai thác các thị trường mới, tiềm năng; tập trung thực hiện các giải pháp cụ thể kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; có kế hoạch cụ thể và triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy mạnh thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Bộ Công an nghiên cứu, sớm mở rộng diện miễn thị thực nhập cảnh cho một số quốc gia phù hợp.

Các Bộ, ngành tập trung chỉ đạo, đôn đốc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trong đó có hình thức văn bản phù hợp xác định rõ thời gian theo tháng đối với từng nhiệm vụ. Các bên liên quan rà soát các cơ chế, chính sách, giải pháp để tập trung thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; tập

trung rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, giải pháp để đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, tạo chuyển biến thực chất trong cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hoá, phát triển kinh tế tri thức, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, các ngành, lĩnh vực mới như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật...; hoàn thiện Nghị quyết về các cơ chế, chính sách phát triển đột phá khu vực kinh tế tư nhân, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về trung tâm tài chính quốc tế và khu vực tại Việt Nam.

Nhắc nhở việc tiếp tục xử lý có kết quả các vấn đề tồn đọng, kéo dài, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính giao các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền tập trung thực hiện các giải pháp xử lý dự án tồn đọng kéo dài, đặc biệt là dự án bất động sản, không để lãng phí, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, kịp thời báo cáo nếu vượt thẩm quyền.

Người đứng đầu Chính phủ chỉ đạo chú trọng các lĩnh vực văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; tiếp tục giữ vững và củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Các bên liên quan tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, nhất là truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận; thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; góp phần tạo đồng thuận xã hội và thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra.

Nguồn: baotintuc.vn/ttxvn

BỘ NỘI VỤ: ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG TÁI CỬ, TÁI BỔ NHIỆM

Bộ Nội vụ ban hành Công văn số 079/BNV-CCVC về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức không tái cử, tái bổ nhiệm tại đại hội đảng bộ các cấp.

Công văn nêu rõ, thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không tái cử, không tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng.

Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 127-KL/TW về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó Khoản 7, Mục II của kết luận này nêu rõ: “Tạm dừng tổ chức đại hội đảng bộ cấp xã, cấp huyện; sau Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị sẽ có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể”.

Theo Khoản 7 Mục II Kết luận số 127-KL/TW, thời điểm đại hội đảng bộ cấp xã, cấp huyện có sự thay đổi và theo đề nghị của một số địa phương, do vậy, Bộ Nội vụ đề nghị, kể từ ngày 05/3/2025, các cơ quan, tổ chức, đơn vị tạm thời chưa thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện thuộc phạm vi đi điều chỉnh của Nghị định số 177/2024/NĐ-CP.

Bộ Nội vụ cho biết, đối với những trường hợp đã được cấp có thẩm quyền quyết định giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của Nghị định số 177/2024/NĐ-CP thì giữ nguyên chế độ, chính sách đã thực hiện.

Nguồn: vov.vn

KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA THÁNG 02 NĂM 2025

Ngày 04/03/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Báo cáo số 03/BC-BKH-CN Chuyển đổi số quốc gia tháng 02 năm 2025.

Theo đó, đến hết 25/02/2025, có 10 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 38 địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 03/NQ-CP thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Một số nội dung cụ thể như sau:

Về nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy chuyển đổi số quốc gia: Các Bộ, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Công tác phổ biến được triển khai qua nhiều hình thức như hội nghị, báo chí, truyền thông, tạo sự thống nhất trong lãnh đạo và hành động ở các cấp. Đồng thời, việc nâng cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên được chú trọng, khuyến khích sự chủ động trong chuyển đổi số. Báo chí và truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc lan tỏa thông tin, tổ chức tọa đàm, chuyên mục chuyên sâu để tạo sự đồng thuận xã hội. Việc triển khai Nghị quyết số 03/NQ-CP thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đang được thực hiện quyết liệt, đồng bộ trên cả nước, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia.

Về phát triển, hoàn thiện thể chế số: Ngày 19/02/2025, tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy. Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định: số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12/02/2025 sửa đổi thủ tục biên phòng điện tử; số 379/QĐ-TTg ngày 20/02/2025 về người cao tuổi tham gia chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp.

Bộ Công an ban hành Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05/02/2025 về quy chuẩn dữ liệu quốc gia; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 436/QĐ-BLĐTBXH về triển khai Đề án 06; Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 01/2025/TT-

BTTTT ngày 18/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Thông tư số 02/2025/TT-BTTTT ngày 18/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 225/QĐ-BTTTT ban hành tiêu chí nền tảng số xuất sắc năm 2025.

Về hạ tầng số: Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 89,6%; Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động đạt 134,19 Mbps; Tỷ lệ phủ sóng 5G cho người dân đạt 25,5%. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 83,3%.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tập trung vào các nhiệm vụ, trong đó, giao Bộ Thông tin và Truyền thông “Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nghiên cứu triển khai giải pháp Internet vệ tinh, đặc biệt cho vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... phục vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai phủ sóng 5G trên phạm vi toàn quốc năm 2025, phấn đấu số trạm 5G bằng 50% số trạm 4G”. Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất chính sách Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh 5G trong Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội.

Về chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính của cả nước: 48,84%; Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính: 39,65%. Trong tháng, Cổng đã có hơn 8,7 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 1,4 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 1,1 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến thành công với số tiền hơn 1.008 tỷ đồng.

Tổng số giao dịch thực hiện qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP): 02 tháng đầu năm 2025 tổng số giao dịch đạt 175 triệu giao dịch. Trung bình mỗi ngày đạt khoảng 3 triệu giao dịch.

Trong tháng, Hệ thống đã phục vụ 02 phiên họp và xử lý 77 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 24,8 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy. Từ ngày 25/01/2025 đến ngày 25/02/2025 có 1.013.765 văn bản gửi, nhận qua Trục (gửi: 245.387 văn bản, nhận: 768.378 văn bản). Đã cập nhật được 170 file dữ liệu lên Hệ thống. Văn phòng Chính phủ đang phối hợp với Bộ Công an để triển khai 20 chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành để phát triển Hệ thống thông tin báo cáo chính phủ và Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số (miễn phí) cho hơn 751.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và thực hiện phổ cập kỹ năng số cho người dân trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCS) với gần 40 triệu lượt truy cập. Ngoài ra, các Bộ, ngành, địa phương sử dụng miễn phí Nền tảng MOOCS để chủ động bồi dưỡng cho hơn 490.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, địa phương.

Về kinh tế số: Ước tính giá trị xuất khẩu phần cứng điện tử đạt 230.031 tỷ đồng, giảm 20% so với tháng 01/2025. Doanh thu công nghiệp ICT ước đạt 306.663 tỷ đồng giảm 9,07% so với tháng 01/2025 (337.254 tỷ đồng).

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), số doanh nghiệp công nghệ số đăng ký thành lập mới trong tháng 01/2025 là 524 doanh nghiệp; tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập và hoạt động đạt 55.824 doanh nghiệp.

Tỷ trọng kinh tế số ngành, lĩnh vực chiếm 8,23% GDP; Số lượt doanh nghiệp tiếp cận Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx) của Bộ Thông tin và Truyền thông là: 1.305.765; Số lượng doanh nghiệp SME sử dụng nền tảng của Chương trình SMEdx: 407.712, chiếm hơn 43% tổng số doanh nghiệp SME trên cả nước.

Về phát triển công dân số: Hơn 87 triệu thẻ căn cước công dân gắn chip được cấp; Số lượng tài khoản người dùng trên ứng dụng VNeID đã kích hoạt trên 55,25 triệu; Đã có 14,2 triệu hồ sơ giấy phép lái xe được tích hợp lên ứng dụng định danh quốc gia VNeID. Một số dịch vụ mới được tích hợp, triển khai trên ứng dụng VNeID như thực hiện đăng ký xe trên ứng dụng VNeID đối với các xe nhập khẩu; cập nhật, điều chỉnh thông tin đơn vị hành chính khi thực hiện sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, phường trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hỗ trợ người dân tra cứu thuận tiện trên ứng dụng VNeID,...

Tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản thanh toán đạt 87,08%, vượt mục tiêu 80% của Chiến lược Quốc gia. Thanh toán không dùng tiền mặt: Tốc độ tăng trưởng đạt hơn 50%/năm, dẫn đầu Đông Nam Á. 100% bệnh viện, trung tâm y tế công, cơ sở giáo dục đại học triển khai thanh toán viện phí, học phí không dùng tiền mặt; Tỷ lệ khách hàng sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt đạt hơn 49%.

Các công dịch vụ công, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính sử dụng số định danh VNeID làm tài khoản dịch vụ công trực tuyến để đăng nhập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Hơn 13 triệu chữ ký số đã được cấp, đạt tỷ lệ 25% tổng số người trưởng thành có chữ ký số.

Anh Cao, Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ Y TẾ: DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐẠT 87%

Bộ Y tế đã tổ chức cuộc họp tại trụ sở để đánh giá tiến độ triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình nhằm nâng cao hiệu quả công tác hành chính và tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp.

Đây là một trong những bước đi quan trọng trong chiến lược cải cách hành chính của Bộ Y tế, với mục tiêu tối ưu hóa các thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi tiếp cận các dịch vụ y tế.

Tính đến cuối năm 2024, Bộ Y tế đã triển khai thành công 115 thủ tục hành chính trên tổng số 141 thủ tục đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Điều này đồng nghĩa với việc gần 87% thủ tục hành chính của Bộ Y tế có hồ sơ được nộp trực tuyến, góp phần giảm bớt thời gian và chi phí cho người dân và các tổ chức.

Mặc dù vẫn còn một số thủ tục hành chính chưa được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nhưng Bộ Y tế đã đặt ra kế hoạch để hoàn thành kết nối toàn bộ thủ tục hành chính vào hệ thống trong thời gian tới, nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý.

Bộ Y tế hiện đang quản lý 249 thủ tục hành chính theo lĩnh vực và 325 thủ tục hành chính theo đơn vị. Trong số này, 141 thủ tục hành chính đã được xác định đủ điều kiện để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Các cục, vụ của Bộ Y tế cũng đã xây dựng hệ thống để tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến, chẳng hạn như Cục Quản lý Dược với 86 thủ tục hành chính, trong đó 26 thủ tục tham gia Cơ chế một cửa quốc gia, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh với 2 thủ tục cần kết nối với hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, và Cục An toàn thực phẩm với 9 thủ tục hành chính đang triển khai dịch vụ công trực tuyến một phần.

Hiện nay, Bộ Y tế đã hoàn thành việc kết nối 106 dịch vụ công trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia, trong đó có 7 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Cục Quản lý Dược là đơn vị dẫn đầu với 6 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, giúp tiết kiệm thời gian và tăng cường tính minh bạch trong các thủ tục hành chính. Các dịch vụ này không chỉ giúp giảm thiểu thủ tục giấy tờ mà còn đảm bảo sự chính xác và minh bạch trong việc xử lý hồ sơ.

Ngoài ra, Bộ Y tế cũng đã đặt ra lộ trình cụ thể để hoàn thiện việc kết nối tất cả các dịch vụ công trực tuyến với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ và Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong năm 2025, Bộ Y tế dự kiến hoàn thành việc kết nối các thủ tục hành chính còn lại theo từng quý. Cụ thể, vào Quý I/2025, Bộ Y tế sẽ hoàn thành kết nối 9 dịch vụ công của Cục Cơ sở hạ tầng và Thiết bị y tế với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Y tế và Cổng dịch vụ công quốc gia.

Quý II/2025 sẽ kết nối thêm 20 dịch vụ công của Cục Quản lý Dược, ưu tiên những dịch vụ phát sinh nhiều hồ sơ, và Quý III/2025 sẽ tiếp tục kết nối các dịch vụ công của các cục và vụ, bao gồm Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền và Cục Quản lý Môi trường y tế.

Để đẩy nhanh hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Tri Thức yêu cầu các đơn vị liên quan khẩn trương rà soát và tháo gỡ những khó khăn trong quá trình triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Đồng thời, Bộ Y tế cũng đang nghiên cứu xây dựng Trung tâm Dữ liệu Y tế Quốc gia, nhằm đồng bộ hóa dữ liệu ngành Y tế và hỗ trợ công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách.

Trung tâm này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động của hệ thống dữ liệu y tế quốc gia, bảo đảm tính ổn định và liên tục của các dịch vụ công trực tuyến, đồng thời cải thiện chất lượng công tác quản lý hành chính và chăm sóc sức khỏe.

Những nỗ lực của Bộ Y tế trong việc triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình không chỉ giúp cải thiện quy trình hành chính mà còn tạo ra một môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi tiếp cận các dịch vụ y tế.

Các bước đi tiếp theo của Bộ Y tế trong việc nâng cao chất lượng các dịch vụ công trực tuyến sẽ tiếp tục góp phần xây dựng một hệ thống hành chính công minh bạch, hiệu quả và dễ tiếp cận, từ đó thúc đẩy sự phát triển của ngành y tế trong tương lai.

Nguồn: baodautu.vn

BỘ TƯ PHÁP: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Bộ Tư pháp đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ. Trong đó, đề xuất quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Theo đó, Bộ Tư pháp đề xuất dự thảo Nghị định gồm 05 Chương, 63 Điều và 01 phụ lục (04 Biểu mẫu) kèm theo; nội dung có kế thừa quy định tại Nghị định hiện hành, đồng thời có chỉnh lý, bổ sung hoặc cơ cấu lại cho phù hợp với tình hình thực tiễn thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính logic, hợp lý, dễ tiếp cận; đồng thời, bổ sung các nội dung nhằm quy định chi tiết Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

Mục 1 Chương II dự thảo quy định những vấn đề chung về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm các nội dung: Nguyên tắc kiểm tra, xử lý văn bản; Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra; Nội dung kiểm tra văn bản; Căn cứ pháp lý để xác định văn bản trái pháp luật, văn bản sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày; Văn bản thuộc đối tượng xử lý; Tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

Tại dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp cũng đề xuất quy định bổ sung về tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật để phù hợp với quy định về căn cứ kiểm tra văn bản quy định tại Điều 63 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Cụ thể:

Một là, cơ quan, tổ chức, cá nhân khi phát hiện văn bản quy định tại Điều 4 của Nghị định này có dấu hiệu trái pháp luật thì kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, người đã ban hành văn bản hoặc cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản theo quy định tại Nghị định này để tổ chức kiểm tra.

Hai là, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật phát hiện văn bản quy định tại Điều 4 của Nghị định này có dấu hiệu trái pháp luật thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Ba là, cơ quan, tổ chức, người nhận được kiến nghị, phản ánh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra văn bản hoặc chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, người có trách nhiệm, thẩm quyền kiểm tra văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị, phản ánh kiểm tra văn bản về việc đã tiếp nhận hoặc đã chuyển kiến nghị, phản ánh.

Tại Mục 2 Chương II của dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề xuất quy định về tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, gồm các nội dung về: Tự kiểm tra văn bản do Chủ tịch nước, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán nhà nước ban hành hoặc liên tịch ban hành; Tự kiểm tra văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành; Tự kiểm tra văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành; Trình tự, thủ tục tự kiểm tra văn bản; Hồ sơ tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Tại Mục 3 Chương II dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề xuất quy định về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, gồm 02 Tiểu mục: Tiểu mục 1: Thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, gồm các nội dung: Thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ban hành và thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản; Trình tự, thủ tục kiểm tra văn bản theo thẩm quyền; Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật; Hồ sơ kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

Tiểu mục 2: Kiểm tra, xử lý văn bản có chứa quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, gồm các nội dung: Thẩm quyền kiểm tra văn bản; Trách nhiệm xử lý văn bản; Thủ tục kiểm tra, xử lý văn bản.

Tại Mục 4 Chương II dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề xuất quy định về xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật, gồm các nội dung: Hình thức xử lý văn bản trái pháp luật, văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày; Trình tự, thủ tục xử lý văn bản trái pháp luật; Kiến nghị, báo cáo xem xét lại kết luận kiểm tra văn bản; Thủ tục xử lý văn bản trái pháp luật trong trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiến nghị Thủ tướng Chính phủ; Thời hạn xử lý văn bản trái pháp luật; Công bố văn bản xử lý văn bản trái pháp luật.

Tại Mục 5 Chương II dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề xuất quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người ban hành văn bản thuộc đối tượng kiểm tra và cơ quan, đơn vị có liên quan, gồm các nội dung: Nhiệm vụ của cơ quan, người ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc đối tượng kiểm tra; Quyền hạn của cơ quan, người có văn bản quy phạm pháp luật thuộc đối tượng kiểm tra; Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Ngoài ra, tại dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp cũng đề xuất bỏ quy định về việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, người ban hành văn bản trái pháp luật (như đang quy định tại Điều 134 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP hiện hành) vì không cần thiết. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan trong việc ban hành văn bản trái pháp luật được thực hiện theo quy định của Nghị định của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với cá nhân bộ, công chức, viên chức và quy định pháp luật có liên quan.

Còn tại Mục 6 Chương II dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề xuất quy định về chế độ báo cáo, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý văn bản, gồm các nội dung: Chế độ báo cáo về công tác kiểm tra, xử lý văn bản; Đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản. Mục này cơ bản kế thừa và hoàn thiện các quy định tại Mục 5 Chương VIII của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP hiện hành.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH MỚI VỀ NGUYÊN TẮC TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Dự thảo đề xuất bổ sung Khoản 12 vào Điều 9 Thông tư số 45/2013/TT-BTC về “Nguyên tắc trích khấu hao tài sản cố định” như sau:

Các tài sản cố định hữu hình hiện có nhưng tạm thời chưa có công năng sử dụng, chưa tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp có 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương”: Doanh nghiệp được chủ động giãn hoặc tạm hoãn trích khấu hao trong thời gian chưa sử dụng và đảm bảo nguyên tắc thời gian trích khấu hao của tài sản cố định theo khung thời gian trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này. Doanh nghiệp phải thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để theo dõi, quản lý.

Theo quy định hiện hành tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC, Bộ Tài chính quy định các nguyên tắc trích khấu hao tài sản cố định là:

Tất cả tài sản cố định hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao, trừ những tài sản cố định sau đây: tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; tài sản cố định khấu hao chưa hết bị mất; tài sản cố định khác do doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ tài sản cố định thuê tài chính); tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp...

Các khoản chi phí khấu hao tài sản cố định được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài sản cố định chưa khấu hao hết bị mất, bị hư hỏng mà không thể sửa chữa, khắc phục được, doanh nghiệp xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi thường của tập thể, cá nhân gây ra. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra, tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm và giá trị thu hồi được (nếu có), doanh nghiệp dùng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp. Trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp, thì phần chênh lệch thiếu doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cho thuê tài sản cố định hoạt động phải trích khấu hao đối với tài sản cố định cho thuê.

Doanh nghiệp thuê tài sản cố định theo hình thức thuê tài chính (gọi tắt là tài sản cố định thuê tài chính) phải trích khấu hao tài sản cố định đi thuê như tài sản cố định thuộc sở hữu của doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Trường hợp ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, doanh nghiệp thuê tài sản cố định thuê tài chính cam kết không mua lại tài sản thuê trong hợp đồng thuê tài chính, thì doanh nghiệp đi thuê được trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính theo thời hạn thuê trong hợp đồng...

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ Y TẾ: ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, CẢI CÁCH 10 NỘI DUNG BỨC THIẾT LIÊN QUAN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Trong dự thảo Nghị định mới đang được Bộ Y tế xây dựng, Bộ đề xuất cắt giảm 04 thủ tục hành chính và đơn giản hóa thành phần hồ sơ của 10 thủ tục hành chính liên quan đến an toàn thực phẩm...

Liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo về việc Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long đồng ý với đề nghị của Bộ Y tế, cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Theo thông tin từ Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế, đến thời điểm này, Ban soạn thảo Nghị định nêu trên đã báo cáo những nội dung bức thiết cần được đưa vào Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Trong đó, ở nhóm nội dung cải cách thủ tục hành chính có 10 nội dung được đề xuất sửa đổi. Cụ thể:

Một là, bỏ quy định dịch và công chứng tài liệu pháp lý tiếng Anh sau khi đã chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự (Giấy chứng nhận lưu hành tự do - FSC hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu - EC hoặc Giấy chứng nhận y tế - HC, giấy chứng nhận thực hành sản xuất tốt - GMP...) trong hồ sơ

nhóm thực phẩm nhập khẩu phải đăng ký bản công bố sản phẩm (thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt...).

Hai là, cho phép tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm công bố chỉ cần dịch sang tiếng Việt những nội dung cần thiết liên quan đến kết luận nghiên cứu chứng minh công dụng, đối tượng sử dụng và liều dùng, lưu ý, cảnh báo, độ tin cậy nghiên cứu của tài liệu khoa học tiếng Anh và chịu trách nhiệm đối với nội dung dịch thuật thay vì phải dịch, công chứng toàn bộ tài liệu tiếng Anh.

Ba là, cho phép sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe của cơ sở sản xuất đạt Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc tương đương mà không cần phải gửi mẫu kiểm nghiệm tại các phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận.

Bốn là, quy định rõ số lần doanh nghiệp được nộp hồ sơ yêu cầu bổ sung và thời hạn doanh nghiệp nộp hồ sơ yêu cầu bổ sung đối với trình tự nhóm thực phẩm phải đăng ký bản công bố sản phẩm, đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm.

Năm là, bổ sung quy định nhập khẩu thực phẩm được các tổ chức, cá nhân viện trợ nhằm mục đích từ thiện, không dùng mục đích kinh doanh theo hướng thông thoáng quy trình, thủ tục so với trường hợp kinh doanh thực phẩm: các tổ chức từ thiện không phải công bố, nhưng phải đăng ký kiểm tra nhà nước và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính an toàn của sản phẩm, hướng dẫn sử dụng, bảo quản sản phẩm theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất trên nhãn sản phẩm, sử dụng sản phẩm với mục đích cứu trợ, đúng đối tượng sử dụng và không được để sản phẩm lưu hành ra thị trường.

Sáu là, bỏ thành phần hồ sơ đăng ký xác nhận quảng cáo: (1) Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, (2) Mẫu nhãn sản phẩm (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân) và Bộ “Phương tiện quảng cáo” tại Mẫu đơn số 10, Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đối với 02 thủ tục hành chính đăng ký nội dung quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi không thuộc trường hợp cấm quảng cáo.

Bảy là, bỏ giấy chứng nhận GMP đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe sản xuất trong nước trong thành phần hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm trong nước.

Tám là, bổ sung quy định giao Bộ Y tế xây dựng phần mềm quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương giải quyết các thủ tục hành chính, quản lý chất lượng sản phẩm thuộc lĩnh vực y tế.

Chín là, bỏ quy định về việc đăng ký bản công bố sản phẩm đối với Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định.

Mười là, thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa một số thủ tục hành chính và yêu cầu về chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm triển khai Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày

04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

Như vậy, dự thảo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP hiện có 15 thủ tục hành chính (bao gồm cả cấp trung ương lẫn địa phương) liên quan đến an toàn thực phẩm. Nếu triển khai cải cách hành chính tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung này, Bộ Y tế dự kiến thực hiện cắt giảm 04 thủ tục hành chính và đơn giản hóa thành phần hồ sơ của 10 thủ tục hành chính.

Nguồn: anninhthudo.vn

BỘ TƯ PHÁP: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CÔNG CHỨNG

Bộ Tư pháp đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

Theo đó, Bộ Tư pháp đề xuất tại dự thảo Thông tư gồm 5 Chương với 31 Điều. Cụ thể:

Chương I: Những quy định chung gồm 02 Điều (Điều 1 và Điều 2).

Chương II: Đào tạo nghề công chứng, bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm gồm 09 Điều (từ Điều 3 đến Điều 11).

Chương III: Việc cấp, cấp lại, thu hồi thẻ công chứng viên gồm 04 Điều (từ Điều 12 đến Điều 15).

Chương IV: Tổ chức và hoạt động công chứng gồm 13 Điều (từ Điều 16 đến Điều 28).

Chương V: Điều khoản thi hành gồm 03 Điều (Điều 29 đến Điều 31).

Đào tạo nghề công chứng

Một trong những nội dung đáng chú ý tại dự thảo là quy định về đào tạo nghề công chứng, chương trình khung đào tạo nghề công chứng và việc công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài.

Đây là vấn đề Luật Công chứng giao cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết tại khoản 6 Điều 11 của Luật. Bộ Tư pháp đã nghiên cứu và xây dựng quy định này theo hướng tiếp tục kế thừa quy định của Thông tư số 01/2021/TT-BTP. Theo đó, quy định Học viện Tư pháp chủ trì, phối hợp với Cục Bổ trợ tư pháp xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành chương trình khung đào tạo nghề công chứng.

Bên cạnh đó, dự thảo Thông tư quy định Học viện Tư pháp có trách nhiệm bảo đảm đối tượng tham gia đào tạo nghề công chứng là người có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật theo quy định của Khoản 1 Điều 11 của Luật Công chứng. Quy định này góp phần bảo đảm chặt chẽ và liên thông với thủ tục bổ nhiệm công chứng viên trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng. Hiện nay, hồ sơ bổ

nhệm công chứng viên trong dự thảo Nghị định đã bỏ thành phần bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật (người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên không phải nộp giấy tờ này trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên do khi tham gia đào tạo nghề công chứng đã yêu cầu cung cấp bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật).

Bàn giao hồ sơ trong trường hợp Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động

Một trong những quy định mới tại dự thảo Thông tư là về bàn giao hồ sơ trong trường hợp Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động.

Theo dự thảo, khi có yêu cầu sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ giao dịch, cấp bản sao văn bản công chứng, công chứng hợp đồng thế chấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 56 của Luật Công chứng đang lưu trữ tại Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Tư pháp chỉ định 01 tổ chức hành nghề công chứng phù hợp trên địa bàn tỉnh/thành phố mình tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động để thực hiện việc sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ giao dịch, cấp bản sao văn bản công chứng, công chứng hợp đồng thế chấp. Tổ chức hành nghề công chứng được Sở Tư pháp chỉ định là tổ chức có trụ sở tại cùng 01 địa bàn cấp huyện hoặc gần tổ chức hành nghề công chứng tạm ngừng hoạt động để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày chỉ định tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Hội công chứng viên và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bàn giao hồ sơ công chứng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng công chứng hết thời hạn tạm ngừng hoạt động, các hồ sơ công chứng này được bàn giao lại cho Văn phòng công chứng.

Sở Tư pháp chủ động in và cấp thẻ công chứng viên

Theo quy định mới tại dự thảo, Bộ Tư pháp sẽ không in Phôi thẻ công chứng viên về các Sở Tư pháp như hiện nay mà Thông tư sẽ ban hành Mẫu thẻ công chứng viên. Trên cơ sở đó, các Sở Tư pháp căn cứ vào Mẫu thẻ công chứng viên quy định tại Thông tư để chủ động in và cấp, cấp lại thẻ công chứng viên cho tổ chức hành nghề công chứng đề nghị cấp thẻ. Điều này sẽ tăng tính chủ động và bảo đảm các Sở Tư pháp kịp thời cấp, cấp lại thẻ khi nhận được đề nghị cấp, cấp lại từ các tổ chức hành nghề công chứng, đồng thời góp phần giảm các khâu không cần thiết như hiện nay.

Quy định chi tiết mẫu lời chứng của công chứng viên

Luật Công chứng giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết về mẫu lời chứng của công chứng viên. Bộ Tư pháp đã rà soát các mẫu lời chứng theo quy định hiện hành và chỉnh lý đối với một số nội dung trong mẫu lời chứng như hướng dẫn cách ghi mẫu lời chứng... để bảo đảm áp dụng phù hợp với thực tiễn.

Quy định mới về cộng tác viên dịch thuật

Dự thảo Thông tư có quy định mới so với trước đây về cộng tác viên dịch thuật do Luật Công chứng năm 2024 quy định công chứng viên thực hiện chứng thực chữ ký người dịch mà không thực hiện công chứng bản dịch như Luật Công chứng năm 2014. Dự thảo Thông tư đã

bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của người dịch, cộng tác viên dịch thuật của tổ chức hành nghề công chứng, đăng ký chữ ký mẫu, trách nhiệm của người dịch, người thực hiện chứng thực chữ ký người dịch và thủ tục chứng thực chữ ký người dịch.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ Y TẾ: ĐỀ XUẤT PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ THỰC HÀNH TỐT PHÒNG THÍ NGHIỆM

Bộ Y tế đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi khoản 4 Điều 11 của Thông tư số 04/2018/TT-BYT quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm.

Bộ Y tế cho biết, nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 1015/QĐ- TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, Bộ đề xuất sửa đổi Khoản 4 Điều 11 của Thông tư số 04/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm.

Cụ thể, thay vì quy định cơ quan thực hiện đánh giá báo cáo thay đổi của cơ sở thử nghiệm là Cục Quản lý Dược như quy định hiện hành tại Thông tư số 04/2018/TT-BYT, tại dự thảo, Bộ Y tế đề xuất:

“4. Trường hợp cơ sở thử nghiệm có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều này, cơ sở thử nghiệm phải nộp báo cáo thay đổi kèm tài liệu kỹ thuật tương ứng với sự thay đổi về Sở Y tế tại địa bàn nơi cơ sở thử nghiệm đặt địa điểm phòng thí nghiệm. Sở Y tế thực hiện đánh giá báo cáo thay đổi của cơ sở thử nghiệm.

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Sở Y tế ban hành văn bản thông báo về việc đồng ý với nội dung thay đổi trong trường hợp việc thay đổi đáp ứng yêu cầu;

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, Sở Y tế ban hành văn bản thông báo về nội dung cần khắc phục, sửa chữa trong trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu;

c) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày Sở Y tế có văn bản thông báo, cơ sở thử nghiệm phải hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa và có văn bản thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh (hồ sơ tài liệu, hình ảnh, video, giấy chứng nhận) đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa tồn tại được nêu trong văn bản thông báo;

d) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo khắc phục kèm theo bằng chứng chứng minh (hồ sơ tài liệu, hình ảnh, video, giấy chứng nhận), Sở Y tế đánh giá kết quả khắc phục của cơ sở thử nghiệm và kết luận về tình trạng đáp ứng GLP của cơ sở thử nghiệm:

Trường hợp việc khắc phục đã đáp ứng yêu cầu: Sở Y tế ban hành văn bản thông báo về việc đồng ý với nội dung thay đổi;

Trường hợp việc khắc phục chưa đáp ứng yêu cầu: Sở Y tế gửi kết quả đánh giá báo cáo khắc phục kèm theo báo cáo thay đổi của cơ sở thử nghiệm về Cục Quản lý Dược để thực hiện việc đánh giá đột xuất, xử lý kết quả đánh giá theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM: ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng để luật hóa một số nội dung của Nghị quyết số 42/2014/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết, tại dự thảo đề xuất 3 chính sách liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 được đề xuất luật hóa theo hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng. Do vậy, đối tượng áp dụng của 3 chính sách này được áp dụng theo Điều 1 Luật các Tổ chức tín dụng.

Theo đó, đối tượng áp dụng bao gồm: 1. Tổ chức tín dụng; 2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 3. Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (văn phòng đại diện nước ngoài); 4. Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ (tổ chức mua bán, xử lý nợ); 5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, giải thể, chấm dứt hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài; việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Chính sách 1: Luật hóa quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm.

Mục tiêu của chính sách nhằm xử lý vướng mắc của các tổ chức tín dụng, tổ chức mua bán, xử lý nợ trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm, xử lý nợ xấu, đảm bảo cân bằng giữa quyền của chủ nợ và các quyền lợi hợp pháp của bên bảo đảm.

Đẩy nhanh tốc độ và giảm chi phí xử lý tài sản bảo đảm, xử lý nợ xấu, từ đó góp phần giảm chi phí các khoản cấp tín dụng, hạ lãi suất, tăng cường khả năng quay vòng vốn và tiếp cận tín dụng của người dân và doanh nghiệp; tránh để phát sinh và bùng phát tình trạng người dân, doanh nghiệp tiếp cận “tín dụng đen”.

Chính sách 2: Luật hóa quy định về kê biên tài sản bảo đảm của bên phải thi hành án.

Mục tiêu của chính sách nhằm khắc phục được khó khăn, vướng mắc của tổ chức tín dụng, tổ chức mua bán, xử lý nợ trong việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình nhưng vẫn

đảm bảo việc thi hành án đối với một số nghĩa vụ như cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe.

Chính sách này được đề xuất nhằm hài hòa hóa giữa việc bảo vệ quyền chủ nợ của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng với việc thực thi các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chính sách 3: Luật hóa quy định về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Việc luật hóa quy định về hoàn trả tài sản là vật chứng trong vụ án hình sự cho bên nhận bảo đảm sẽ giúp bảo vệ quyền xử lý tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng (bên nhận bảo đảm), thúc đẩy đến tiến độ và hiệu quả xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đồng thời, việc bổ sung quy định về hoàn trả tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sẽ giúp tổ chức tín dụng, tổ chức mua bán, xử lý nợ bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của mình trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định không áp dụng hình thức tịch thu đối với tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính.

Cao Tuấn Anh, Trung tâm Công nghệ Thông tin, Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: BƯỚC ĐỘT PHÁ

TP. Hà Nội vừa chính thức khai trương các ứng dụng chuyển đổi số dùng chung 3 cấp trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội thành phố, thể hiện sự tiên phong, đột phá trong đẩy mạnh chuyển đổi số.

Các ứng dụng này đi vào hoạt động không chỉ là công cụ hỗ trợ đắc lực trong quản lý, chỉ đạo xuyên suốt các cấp trong toàn hệ thống chính trị của TP. Hà Nội, còn góp phần làm thay đổi tư duy, lề lối, phương pháp làm việc, bởi mọi hoạt động chu yếu môn nghiệp vụ đều sẽ được thực hiện trên môi trường số.

Trong thời gian qua, TP. Hà Nội luôn xác định chuyển đổi số là yếu tố then chốt trong công tác quản lý, phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Nhiều sự kiện đã đánh dấu những cột mốc quan trọng trong tiến trình đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố và thể hiện quyết tâm của TP. Hà Nội trong việc áp dụng công nghệ vào công tác quản lý, điều hành, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, hướng tới một xã hội số hiện đại, văn minh.

Trong đó, TP. Hà Nội là địa phương đầu tiên hoàn thành thí điểm Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, đưa vào vận hành Trung tâm phục vụ hành chính công, phát triển ứng dụng “Công dân Thủ đô số - iHanoi”... Cùng với đó, thành phố đã đẩy mạnh phát triển các hệ thống nền tảng quan trọng trong công tác quản lý như xây dựng hệ thống thông tin báo cáo số, ký số toàn hệ thống 3 cấp, phòng họp thông minh không giấy tờ (iCabinet)...

Rõ ràng, chuyển đổi số là công cụ hữu hiệu để tinh gọn bộ máy Nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động và phục vụ người dân tốt hơn. Đồng thời, là nền tảng phục vụ thống kê, hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội... Nhờ những quyết sách đúng lúc, đúng thời điểm, hành động quyết liệt, giải pháp sáng tạo, linh hoạt cùng sự vào cuộc quyết tâm, đồng bộ, toàn diện của cả hệ thống chính trị các cấp và người dân Thủ đô, công cuộc chuyển đổi số của TP. Hà Nội đã đạt được nhiều thành quả ấn tượng. TP. Hà Nội đang thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về công cuộc chuyển đổi số toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

Lần này, với việc đưa vào triển khai 8 ứng dụng chuyển đổi số dùng chung 3 cấp trong hệ thống chính trị liên quan đến quản lý, điều hành (gồm 4 ứng dụng: Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Phân hệ theo dõi, đôn đốc nhiệm vụ; Phòng họp không giấy tờ) và quản lý nghiệp vụ (với 4 ứng dụng: Hệ thống xây dựng chương trình công tác và lịch công tác; Trợ lý ảo hỏi đáp văn kiện; Trợ lý ảo hỗ trợ thẩm tra, thẩm định; Chữ ký số chuyên dùng công vụ) là một bước đi chiến lược quan trọng của TP. Hà Nội. Đồng thời, càng thể hiện rõ hơn sự chủ động, tiên phong, quyết tâm đi đầu, trở thành niềm cảm hứng mạnh mẽ để lan tỏa và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên cả nước. Bởi, việc lựa chọn những ứng dụng phù hợp, hiệu quả sẽ góp phần quan trọng vào việc hiện đại hóa bộ máy Nhà

nước; tạo thêm những bước đột phá vững chắc, rõ nét trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Hơn thế nữa, với mục tiêu “con người là trung tâm của sự phát triển”, TP. Hà Nội cũng luôn xác định, việc ứng dụng công nghệ số không chỉ đơn giản là triển khai các phần mềm, ứng dụng, mà còn là một cuộc cách mạng trong tư duy, phương thức làm việc và cải cách hành chính. Điều này thể hiện ngay trong giao ước thi đua được 4 cơ quan của TP. Hà Nội ký tại cuộc khai trương các ứng dụng, với cam kết đi tiên phong trong đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực số toàn hệ thống, để từ đó, tiến tới làm chủ khoa học, công nghệ, góp phần tăng trưởng kinh tế ổn định và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thành phố.

Nguồn: kinhtedothi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH THÀNH PHỐ XẾP THỨ HẠNG CAO VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 2) đạt thứ hạng cao trong bảng đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành tại TP. Hồ Chí Minh. Với điểm số tăng mạnh so với năm trước, ngành Ngân hàng tiếp tục khẳng định vai trò trong cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy chuyển đổi số.

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh vừa công bố kết quả khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) năm 2024. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 2 đạt 64,72 điểm, tăng so với mức 60,97 điểm năm 2023, và được xếp hạng cao trong nhóm 6 cơ quan ngành dọc trên địa bàn.

Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 2 Nguyễn Đức Lệnh nhận định, kết quả tích cực này không chỉ là sự ghi nhận cho những nỗ lực cải cách của ngành Ngân hàng mà còn là động lực để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động. Ông nhấn mạnh, để duy trì thành tích trong năm 2025, cần có chiến lược cụ thể, tập trung vào các chỉ số thành phần để đưa ra các giải pháp thiết thực và hiệu quả hơn.

Theo bảng đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương, tổng điểm đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương bao gồm 9 chỉ số thành phần: Tiếp cận minh bạch thông tin và chuyển đổi số; chi phí không chính thức; chi phí thời gian; cạnh tranh bình đẳng; hỗ trợ doanh nghiệp; thiết chế pháp lý; tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của đơn vị; chỉ số xanh; sức khỏe và môi trường.

Trong đó, ngành Ngân hàng đóng vai trò trọng tâm trong thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai chính sách tiền tệ - tín dụng. Đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước tại TP. Hồ Chí Minh đạt điểm cao ở các tiêu chí về minh bạch thông tin, tiết giảm chi phí thời gian

và giao dịch, phản ánh những bước tiến quan trọng trong cải cách hành chính, ngân hàng xanh và hỗ trợ doanh nghiệp.

Theo ông Nguyễn Đức Lệnh, chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc phản ánh hiệu quả thực thi chính sách tiền tệ, tín dụng và môi trường kinh doanh. Việc cải thiện chỉ số này không chỉ giúp doanh nghiệp tiếp cận vốn dễ dàng hơn mà còn góp phần nâng cao niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp vào chính sách tài chính - ngân hàng.

Để tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 2 sẽ tập trung vào 3 nhiệm vụ trọng tâm: Tăng cường truyền thông chính sách để doanh nghiệp và người dân nắm bắt thông tin kịp thời, tổ chức các cuộc đối thoại giữa ngân hàng và doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận vốn, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và hiệp hội doanh nghiệp để giải quyết nhanh chóng những vướng mắc phát sinh.

Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp đã góp phần quan trọng trong việc cải cách hành chính, giảm chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Hiệu quả của chương trình này được phản ánh rõ qua sự cải thiện liên tục của chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp trong ba năm qua, từ 4,24 điểm năm 2022 lên 5,58 điểm năm 2023 và 6,63 điểm năm 2024. Đây là một trong những chỉ số khó cải thiện nhất, nhưng kết quả tích cực này cho thấy sự đánh giá cao của cộng đồng doanh nghiệp đối với ngành Ngân hàng.

Với kết quả đạt được, ngành Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh trong năm 2025 thông qua các giải pháp đổi mới, sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững và cải thiện môi trường đầu tư.

Theo ông Nguyễn Đức Lệnh, ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ và đồng hành cùng doanh nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với những nỗ lực không ngừng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 2 kỳ vọng sẽ giữ vững vị thế trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và người dân trong tiếp cận dịch vụ ngân hàng.

Năm 2024, hoạt động ngân hàng tại TP. Hồ Chí Minh ghi nhận những kết quả tích cực, tăng trưởng tín dụng trên địa bàn khoảng 11%. Trong đó, tín dụng VND chiếm tỷ trọng 96,1%; tín dụng bằng ngoại tệ chiếm tỷ trọng 3,9%.

Tổng huy động vốn đạt 4.082 nghìn tỷ đồng, tăng 15,28% so với cuối năm 2023, mức tăng cao nhất trong 5 năm qua. Dự nợ tín dụng đạt 3.943 nghìn tỷ đồng, tăng 11,34% so với cuối năm trước, phản ánh sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế Thành phố.

Ngành Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cũng đã triển khai hiệu quả Chương trình kết nối Ngân hàng - doanh nghiệp. Tính đến hết năm, tổng số tiền cho vay thực tế đạt hơn 691.000 tỷ đồng với 198.166 lượt khách hàng.

Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 16%, nhằm đồng hành cùng mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8% của cả nước. Ngành Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh sẽ tập trung triển khai các chính sách tiền tệ linh hoạt, hỗ trợ doanh

nghiệp tiếp cận vốn, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thành phố.

Nguồn: doanhnhsaigon.vn

LÀO CAI: CÁC ĐƠN VỊ ĐẢM BẢO DUY TRÌ TIẾP NHẬN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SAU SẮP XẾP BỘ MÁY

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Trung tâm), hoạt động tiếp nhận và xử lý dịch vụ công vẫn diễn ra bình thường dù các cơ quan hành chính vừa trải qua quá trình sắp nhập, hợp nhất. Đây là nỗ lực đáng ghi nhận của chính quyền tỉnh Lào Cai nhằm đảm bảo quyền lợi của người dân và doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Anh Nguyễn Văn Giáp (thị trấn Nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng) mang hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để được cấp, đổi giấy phép lái xe. Theo chia sẻ của anh Giáp, công việc của anh là lái xe nên khi thấy giấy phép sắp hết hạn, anh đã chuẩn bị hồ sơ để được cấp đổi. Đây là lần thứ 3 anh Giáp thực hiện thủ tục hành chính này.

“Trước đây, tôi được hướng dẫn đến quầy của Sở Giao thông vận tải để thực hiện thủ tục. Tuy nhiên, lần này thì khác, tôi được hướng dẫn đến quầy của Công an tỉnh để thực hiện, bởi nhiệm vụ đã được chuyển giao. Với tôi thì không có khác biệt gì nhiều, dù làm với đơn vị nào thì cũng được hướng dẫn và hỗ trợ tận tình”, anh Giáp chia sẻ.

Trao đổi với Phóng viên Báo Lào Cai, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phạm Văn Dũng cho biết: Trung tâm đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo hoạt động tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không bị gián đoạn. Nhờ sự chủ động trong công tác tổ chức, sáng nay (tức ngày đầu tiên các đơn vị đi vào hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập), mọi giao dịch hành chính vẫn diễn ra bình thường, người dân và doanh nghiệp không gặp khó khăn trong quá trình thực hiện các thủ tục.

Tuy nhiên, ông Dũng cũng thẳng thắn chia sẻ về một số khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động. Cụ thể, do các đơn vị sau khi sắp xếp lại chưa phân công nhiệm vụ cụ thể, một số sở, ngành có lãnh đạo mới nên chưa ban hành công bố quy trình xử lý nội bộ. Điều này có thể dẫn đến việc kéo dài thời gian xử lý thủ tục hành chính ở một số trường hợp. Song, theo ông Dũng, đây chỉ là khó khăn tạm thời và sẽ sớm được giải quyết trong thời gian tới. Trung tâm đang tích cực phối hợp với các cơ quan liên quan để nhanh chóng hoàn thiện tổ chức bộ máy và quy trình làm việc nhằm rút ngắn thời gian xử lý thủ tục.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo hệ thống kỹ thuật vận hành ổn định, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã phối hợp với VNPT - đơn vị cung cấp hạ tầng kỹ thuật để thực hiện cấu hình lại hệ thống, chuyển giao nhiệm vụ, quy trình tiếp nhận thủ tục hành chính. Nhờ đó, việc tiếp nhận hồ sơ từ người dân và doanh nghiệp không bị gián đoạn.

Một điểm đáng chú ý trong quá trình sắp xếp lại bộ máy hành chính là tổng số đơn vị tiếp nhận tại trung tâm có sự thay đổi. Mặc dù số đầu mỗi đơn vị giảm nhưng số quầy tiếp nhận

thủ tục hành chính vẫn được bố trí đầy đủ theo từng lĩnh vực, không phụ thuộc vào số lượng đơn vị hành chính.

Ông Dũng nhấn mạnh: Trung tâm đảm bảo phục vụ nhu cầu của công dân theo đúng tinh thần “mắc ở đâu thì gỡ ở đó, đảm bảo mọi hoạt động không bị gián đoạn”. Chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ công dân khi gặp bất cứ trục trặc nào trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính tại đây.

Việc duy trì hoạt động ổn định của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai ngay sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất các cơ quan hành chính là một bước đi quan trọng, thể hiện quyết tâm của chính quyền trong việc cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp. Dù vẫn còn một số khó khăn nhưng với sự chủ động, linh hoạt trong giải quyết vấn đề, trung tâm cam kết sẽ tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng phục vụ trong thời gian tới.

Nguồn: baolaocai.vn

NAM ĐỊNH: QUYẾT TÂM TẠO ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia. Ba trụ cột này giúp nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới”. Với quyết tâm cao, tỉnh Nam Định đã và đang nỗ lực thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ và số hóa trên mọi lĩnh vực.

Tạo đà cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phát triển đột phá

Với phương châm “Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính, nhà khoa học là nhân tố then chốt. Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, những năm qua, Nam Định đã ghi dấu nhiều bước tiến trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số, tạo đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nam Định. Đến nay, 100% cơ quan nhà nước của tỉnh Nam Định được kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng chính phủ và mạng internet cáp quang tốc độ cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc. 90% địa bàn tỉnh Nam Định được phủ sóng điện thoại di động 4G, 5G và 100% thôn, xóm, tổ dân phố được kết nối với đường internet cáp quang tốc độ cao, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số do cơ quan Nhà nước cung cấp. Tỉnh Nam Định cũng quan tâm triển khai nhiều dự án đầu tư cho chuyển đổi số như: Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông

minh (IOC) và Nền tảng cơ sở dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở. Ngoài hệ thống cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội; cơ sở dữ liệu các ngành, kho dữ liệu điện tử cá nhân của công dân đang được hoàn thiện giúp công dân chủ động quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu giao dịch trực tuyến của người dân, doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước.

Nhằm góp phần minh bạch hóa và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, song hành với đẩy mạnh chuyên đổi số, tỉnh Nam Định đã cung cấp 1.761 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần; 100% quy trình giải quyết thủ tục hành chính được xây dựng quy trình điện tử và công khai trên Hệ thống để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá quá trình thực hiện, góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng chính quyền số, minh bạch và hiệu quả. Cùng với đó, mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được mở rộng đến 100% cơ quan chính quyền 3 cấp đảm bảo về kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ việc kết nối, liên thông 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã)...

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được triển khai đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của tỉnh. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã triển khai gần 100 nhiệm vụ khoa học, công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực. Trong đó, đã tập trung ứng dụng các thành tựu của cách mạng công nghệ 4.0 và phát triển đô thị thông minh; ứng dụng công nghệ thông minh trong giáo dục; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống lúa mới chất lượng cao; ứng dụng nguồn gen bò thịt và công nghệ sinh sản nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi bò thịt; ứng dụng công nghệ sinh sản nhân tạo trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Hồng Mỹ,... Đồng thời, hỗ trợ tạo lập, quản lý hiệu quả và phát triển các nhãn hiệu tập thể nhằm phát huy tối đa lợi thế của nhãn hiệu sản phẩm, góp phần gia tăng đáng kể giá trị cho các sản phẩm dịch vụ của tỉnh Nam Định. Hoạt động quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ngày càng được chú trọng. 100% các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định thực hiện tốt việc duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015...

Thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Nam Định đang từng bước hình thành với việc xây dựng thành công và đưa vào vận hành Sàn giao dịch công nghệ, thiết bị và hỗ trợ khởi nghiệp. Qua đó, hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy chuyển giao, đổi mới công nghệ, thiết bị; duy trì, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, từng bước thiết lập thị trường khoa học và công nghệ. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Nam Định được hình thành một cách rõ nét, kết nối với các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia thông qua ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các thành phần trong Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; đồng thời, mở ra cơ hội để tỉnh Nam Định kết nối các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc tế.

Với những kết quả đạt được, tỉnh Nam Định được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá tích cực như: Chỉ số xếp hạng chuyên đổi số xếp hạng thứ 10/63 tỉnh, thành phố; chỉ số thành phần về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trong Bộ chỉ số cải cách hành chính xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố; là một trong những điểm sáng về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...

Tăng sức mạnh cho “ba trụ cột” trong kỷ nguyên mới

Với tinh thần vào cuộc quyết liệt, khẩn trương đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW sớm đi vào cuộc sống, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 176-KH/TU ngày 04/02/2025 quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chương trình hành động 54-CTr/TU ngày 20/02/2025 hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 21/02/2025 thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các chương trình, kế hoạch đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, mục đích đưa phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước trở thành yếu tố dẫn dắt trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là động lực đóng góp tích cực xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, thể hiện rõ nét sự đóng góp của yếu tố khoa học, công nghệ vào GRDP của tỉnh. Cụ thể, đến năm 2030 tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các tỉnh có thu nhập khá. Tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%. Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) vào nhóm trung bình khá của khu vực đồng bằng sông Hồng và duy trì vị trí xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương thuộc nhóm khá của cả nước. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Số doanh nghiệp có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh duy trì trên 0,7. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng hằng năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8-10%. Xây dựng được ít nhất 1 khu công nghiệp công nghệ cao để thu hút các doanh nghiệp công nghệ, các nhà đầu tư công nghệ đến nghiên cứu, sản xuất hoặc bổ sung chức năng thu hút công nghệ cao cho một số khu công nghiệp hiện có. Phấn đấu đến năm 2045, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa tỉnh là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực đồng bằng sông Hồng; thu hút được tối thiểu 20 doanh nghiệp công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh Nam Định. Tăng trưởng kinh tế vững chắc dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phấn đấu quy mô kinh tế số đạt 45% GRDP.

Để đạt được mục tiêu trên, tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức quán triệt và tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện và tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc về thể chế trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Từ đó có kiến nghị sửa đổi, bổ sung, tham gia góp ý hoàn thiện thể chế, tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: xây dựng, triển khai các Đề án phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược trong các ngành, lĩnh vực; đẩy

mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng “đi tắt, đón đầu”; phát triển mạng lưới kết nối trung tâm, điểm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Nam Định với các trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của vùng, quốc gia và quốc tế; xây dựng và phát triển hạ tầng số hiện đại của tỉnh; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước theo hướng đồng bộ, hiện đại... Đồng thời, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Đặc biệt, ưu tiên phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; phát triển các lĩnh vực như phần mềm, dịch vụ số, công nghiệp điện tử và chip bán dẫn; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như IoT, Big Data, AI và điện toán đám mây. Phát triển các dịch vụ số, công dân số, văn hóa số. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ...

Với quyết tâm chính trị cao và tinh thần quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tỉnh Nam Định đang đặt nền móng vững chắc cho việc triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW. Qua đó, không chỉ giúp nâng cao chất lượng sống của người dân mà còn tạo động lực mạnh mẽ, đồng hành cùng cả dân tộc vươn mình trong kỷ nguyên mới.

Nguồn: baonamdinh.vn

PHÚ THỌ: VÌ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm nghiệp vụ, không ngừng nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ là những giải pháp được Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ tích cực thực hiện. Qua đó, từng bước góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc, vì sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Hiện đại hóa các thủ tục hành chính

Thời gian qua, Bảo hiểm Xã hội huyện Thanh Sơn thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ, của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính như triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện. Giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính đạt 100% đúng hoặc trước thời hạn, không có hồ sơ quá hạn giải quyết. Công tác cải cách thủ tục hành chính được Bảo hiểm Xã hội huyện Thanh Sơn thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định chính về thủ tục hành chính.

Giám đốc Bảo hiểm Xã hội huyện Thanh Sơn Lê Anh Tuyên cho biết: Bộ phận “Một cửa” đã phối hợp chặt chẽ với các bộ phận để giải quyết các hồ sơ đảm bảo thời gian theo quy định. Năm 2024, đã tiếp nhận 18.710 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 18.608 hồ sơ, còn 102 hồ sơ chưa đến hạn giải quyết. Cán bộ tại Bộ phận “Một cửa” luôn thường trực để đón tiếp, hướng dẫn tập thể, cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội, thực hiện hợp đồng chuyển phát hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính qua hệ thống đại lý bưu điện.

Để đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong tình hình mới, tạo sự hài lòng cho người tham gia, thụ hưởng chính sách, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ thường xuyên rà soát, cắt giảm hồ sơ, thủ tục không cần thiết, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp khi giao dịch với cơ quan bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo bảo hiểm xã hội cấp huyện nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời quyền lợi chính đáng của đối tượng tham gia bảo hiểm. Đến nay, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đã bước đầu đạt được những kết quả nổi bật. 100% thủ tục hành chính của ngành Bảo hiểm Xã hội được cung cấp dịch vụ công toàn trình. Từ đó, giúp doanh nghiệp, người dân giảm tối đa thời gian đi lại, dễ dàng theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ, kiểm tra đối chiếu dữ liệu thu, cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm y tế và chế độ chính sách.

Bộ thủ tục hành chính của ngành được cắt giảm tối đa từ 114 thủ tục (năm 2015) đến nay còn 25 thủ tục, do đó số giờ thực hiện thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, người dân giảm mạnh từ 335 giờ/năm 2015 xuống còn 147 giờ/năm 2019 và tiến tới chỉ còn 129 giờ/năm.

Năm 2024, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ đã số hóa 100% hồ sơ và thủ tục hành chính - đây là một bước tiến lớn trong việc hiện đại hóa quy trình giải quyết hồ sơ và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân; đã triển khai giải quyết và trả kết quả cho 17.895 hồ sơ thuộc nhóm thủ tục “đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm xã hội cho trẻ dưới 6 tuổi”, đối với nhóm thủ tục “đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí” cũng đã tiếp nhận và xử lý 318 hồ sơ. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả trong giải quyết công việc của cơ quan bảo hiểm xã hội mà còn góp phần quan trọng vào việc rút ngắn thủ tục hành chính, mang lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp.

Tập trung chuyển đổi số

Trong năm 2024, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ đã tích cực vận động người lao động nhận trợ cấp qua tài khoản cá nhân ATM (thanh toán không dùng tiền mặt), trong đó số người hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đạt tỷ lệ 67,95%/tổng số người hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng, tăng 41,83% so với năm 2023, tăng 35,95% so với kế hoạch Bảo hiểm Xã hội Việt Nam giao. Số người hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đạt tỷ lệ 97,36%/tổng số người hưởng các chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, tăng 6,08% so với năm 2023, tăng 1,36% so với kế hoạch Bảo hiểm Xã hội Việt Nam giao năm 2024. Chi trợ cấp thất nghiệp đạt tỷ lệ 99,93%, tăng 0,93% so với kế hoạch Bảo hiểm Xã hội Việt Nam giao năm 2023.

Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ đã triển khai thành công 65.104 tài khoản VssID, nâng tổng số tài khoản đã đăng ký từ khi triển khai đến nay lên tới 596.883 tài khoản. Ứng dụng VssID tạo ra một kênh thông tin rõ ràng, minh bạch, giúp người dân kiểm soát được quyền lợi của mình và bảo vệ quyền lợi hợp pháp một cách hiệu quả hơn.

Đối với việc triển khai sổ sức khỏe điện tử, từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ đã tiếp nhận 2.124.762 dữ liệu từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trong đó có 1.280.242 dữ liệu Sổ đúng chuẩn định dạng dữ liệu, chiếm tỷ lệ 60,2%; tiếp nhận 31.222 dữ liệu Giấy chuyển tuyến bảo hiểm y tế và 19.328 dữ liệu Giấy hẹn khám lại. Sổ sức khỏe điện tử sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc theo dõi, quản lý sức khỏe và giảm thiểu những phiền toái trong quá trình sử dụng dịch vụ y tế.

Có thể nói, việc tăng cường chuyển đổi số đã giúp ngành Bảo hiểm Xã hội thực hiện tốt hơn mục tiêu phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, góp phần tích cực xây dựng Chính phủ điện tử, đảm bảo an sinh xã hội trên quê hương Phú Thọ.

Là cơ quan triển khai thực hiện các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ luôn xác định việc đẩy mạnh chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, có ý nghĩa quan trọng, giúp nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân và tăng cường hiệu quả quản lý của ngành Bảo hiểm Xã hội.

Đối với người tham gia và thụ hưởng chính sách, chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp giúp tiết kiệm được nhiều thời gian, công sức và chi phí đi lại khi giao dịch với cơ quan Bảo hiểm Xã hội. Người dân, doanh nghiệp có thể giao dịch với cơ quan BHXH mọi lúc, mọi nơi thông qua giao dịch điện tử và các dịch vụ công; đồng thời có thể dễ dàng theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ, kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia, thụ hưởng chính sách, công khai, minh bạch.

Có thể nói, những kết quả đạt được trong công tác chuyển đổi số đã không chỉ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân mà còn tăng cường hiệu quả quản lý của ngành. Qua đó góp phần xây dựng ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam hiện đại, chuyên nghiệp, vì sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Trong quá trình triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số của ngành Bảo hiểm Xã hội thời gian qua luôn nhận được sự đồng thuận, đánh giá cao và sự hài lòng của các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh. Đó là động lực lớn để Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ tiếp tục nỗ lực thực hiện tốt công tác chuyển đổi số trong những năm tiếp theo.

Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Phú Thọ Trần Xuân Long cho biết: Để thực hiện được mục tiêu hiện đại hóa ngành Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Xã hội tỉnh đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về nhân lực, vật lực. Hiện nay, Bảo hiểm Xã hội tỉnh có cơ sở vật chất hiện đại với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết, kết nối mạng 24/24 giờ; 35 phần mềm đang được triển khai trong các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ cho công tác quản lý điều hành và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tập thể công chức, viên chức và người lao động không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, sẵn sàng cho việc

triển khai các phần mềm, ứng dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo việc đẩy mạnh cải cách hành chính, nỗ lực vì người dân, lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm phục vụ.

Nguồn: baophutho.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở YÊN BÁI: LẤY SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN LÀM THƯỚC ĐO

Thời gian qua, với sự quyết tâm và vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cấp ủy, chính quyền, các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp và nhân dân, tỉnh Yên Bái đã nỗ lực chuyển đổi số toàn dân, toàn diện. Lợi ích từ chuyển đổi số, việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, xây dựng nền hành chính công không giấy tờ đã và đang mang lại nhiều lợi ích thiết thực, mang đến sự hài lòng rất lớn cho người dân, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước.

Là tỉnh nằm trong топ hoàn thành trước thời hạn việc số hóa dữ liệu hộ tịch so với các tỉnh thành trong cả nước, tỉnh Yên Bái đã tạo nên tầm quan trọng trong việc xây dựng một hệ thống giải quyết các thủ tục liên quan đến hộ tịch hiện đại, minh bạch, hiệu quả, tạo thuận lợi nhất cho người dân.

Chị Nguyễn Thanh Hường, phường Đồng Tâm, TP. Yên Bái đến Ủy ban nhân dân phường để xin cấp lại giấy khai sinh. Sau khi kê khai, cung cấp giấy tờ nhân thân, toàn bộ thông tin của chị đã được cán bộ khai thác trên phần mềm. Chỉ khoảng 15 phút, chị đã hoàn thiện những thủ tục mình mong muốn. Chị Hường phấn khởi: “Những thủ tục hành chính trước đây mình phải đi lại rất mất thời gian, tốn công sức chờ đợi thì nay nhờ chuyển đổi số mà mọi việc trở nên nhanh chóng, dễ dàng, rất thuận tiện”.

Số hóa dữ liệu hộ tịch đã góp phần quan trọng giúp tiết kiệm thời gian và chi phí khi người dân không cần đến trụ sở hành chính mà có thể thực hiện các thủ tục trực tuyến dù ở bất cứ đâu. Đồng thời, giảm tải công việc cho cán bộ, tăng tính chính xác, bởi dữ liệu được cập nhật và đồng bộ liên tục với cơ sở dữ liệu quốc gia, mang lại lợi ích thiết thực nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Cùng với đó, việc xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và công dân số trên địa bàn tỉnh đã dần đi vào ổn định đồng nghĩa với việc mọi thủ tục hành chính, giao dịch tài chính đã được đơn giản hóa, thúc đẩy mạnh mẽ việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân. Năm 2024, Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái đã tiếp nhận và giải quyết trên 309.380 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên tổng số hồ sơ đạt 53,45%. Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 82,58%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 88,11%; tỷ lệ hồ sơ số hóa, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 87,04%. Nền hành chính số, hành chính không giấy tờ đã và đang mang nhiều lợi ích cho Nhân dân, doanh nghiệp, thúc đẩy mọi hoạt động được tiến hành nhanh hơn, tiện lợi, hiệu quả và minh bạch hơn.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên Lê Thành Hùng cho biết: “Thời gian qua, huyện đã tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn trên địa bàn đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số theo phương châm “Lấy người dân, doanh nghiệp là chủ thể, trung tâm để phục vụ”. Huyện Văn Yên thường xuyên rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính một cách hiệu quả, thực chất, kịp thời công bố công khai và cập nhật thủ tục hành chính h trên Trang thông tin điện tử của huyện và tại Bộ phận phục vụ hành chính công cấp huyện, cấp xã, chỉ đạo quyết liệt công chức, viên chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, không để xảy ra hồ sơ trễ hạn và giảm thời gian đi lại”.

Để làm tốt hơn nhiệm vụ phục vụ, nâng cao sự hài lòng và hạnh phúc của người dân và doanh nghiệp, năm 2024, tỉnh Yên Bái là tỉnh đầu tiên trong cả nước triển khai thí điểm khảo sát xác định mức độ hài lòng của người dân thông qua công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh với mục đích: khảo sát, lấy ý kiến của người dân về mức độ hài lòng đối với công tác chuyển đổi số. Qua đó, phát huy những mặt được, đề ra các giải pháp thiết thực, khả thi khắc phục những mặt còn hạn chế thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng các nền tảng, công nghệ số. Qua khảo sát trên 5.000 hộ gia đình được chọn từ 110 thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn 9 huyện, thị xã, thành phố về các nội dung liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, việc xây dựng chính quyền số, sự phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Cùng với đó là đánh giá về các tiện ích trên Công dịch vụ công của tỉnh Yên Bái khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến... đã tổng hợp, phân tích, xác định được mức độ hài lòng của người dân thông qua quá trình chuyển đổi số của tỉnh năm 2024 ở mức hài lòng.

Để tiếp tục nâng cao mức độ hài lòng của người dân thông qua công tác chuyển đổi số tại địa phương, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Nguyễn Thúc Mạnh cho biết: Tỉnh sẽ tiếp tục tập trung huy động nguồn lực đầu tư để lắp đặt wifi kết nối Internet miễn phí nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố; phổ cập điện thoại thông minh cho người dân; lắp đặt thêm hệ thống camera công cộng phục vụ giám sát an toàn giao thông; hệ thống chiếu sáng thông minh tại các tuyến phố, khu dân cư. Cùng với đó, tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức, kỹ năng số cơ bản và phổ cập các nền tảng số thiết yếu đến người dân. Đặc biệt là nâng cao tinh thần trách nhiệm phục vụ người dân của cán bộ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Phục vụ hành chính công; tiếp tục truyền thông hướng dẫn để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, thúc đẩy sử dụng các nền tảng thương mại trực tuyến; phổ cập nền tảng theo dõi kết quả học tập, nhận xét của giáo viên đối với học sinh thông qua nền tảng số liên lạc điện tử cho phụ huynh học sinh...

Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của tỉnh trong chuyển đổi các hoạt động truyền thống sang các quá trình dựa vào công nghệ số đã và đang góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và cung cấp cho người dân nhiều tiện ích hơn. Từ đó, tạo ra một sự phát triển bền vững và tiến bộ trong việc phục vụ và nâng cao sự hài lòng, chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

Nguồn: baoyenbai.com.vn

QUẢNG BÌNH: CÔNG BỐ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP SỞ, CẤP HUYỆN NĂM 2024

Ngày 25/02/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ký ban hành Quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Theo kết quả công bố, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy dẫn đầu về chỉ số cải cách hành chính năm 2024

Về đối tượng xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp sở gồm có 20 cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ban Quản lý Khu kinh tế; cấp huyện có Ủy ban nhân dân 8 huyện, thị xã, thành phố.

Việc xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện được thực hiện theo Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh”; triển khai trên hệ thống Phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện. Chỉ số cải cách hành chính được tính bằng tổng điểm 2 thành phần: Phần điểm thẩm định và phần điểm điều tra xã hội học. Phần điểm thẩm định được các thành viên Hội đồng thẩm định Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện xem xét, chấm điểm trên cơ sở điểm tự chấm và các tài liệu kiểm chứng kèm theo. Phần điểm điều tra xã hội học được tổng hợp từ 02 nguồn: Phiếu điện tử khảo sát ý kiến cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị được Sở Nội vụ gửi trực tuyến thông qua hệ thống Email với số lượng 4.817 phiếu, kết quả trả lời Phiếu được cập nhật thẳng và cho điểm ngay trên Phần mềm. Nguồn từ phiếu điều tra do các tổ chức, cá nhân trả lời trên phiếu giấy do Sở Nội vụ chủ trì triển khai điều tra, khảo sát, thu thập kết quả và tổng hợp, cập nhật lên Phần mềm chấm điểm theo quy định với tổng số phiếu khảo sát 1.030 phiếu phát ra.

Theo kết quả công bố năm 2024, khối các sở, ban, ngành cấp tỉnh có các đơn vị đạt điểm cao là: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (95,77 điểm) xếp thứ nhất, Sở Nội vụ (95,35 điểm) xếp thứ hai, Sở Giáo dục và Đào tạo (95,21 điểm) xếp thứ ba; khối Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy (88,44 điểm) xếp thứ nhất, Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh (88,42 điểm) xếp thứ hai, Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hoá (87,89 điểm) xếp thứ ba.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, cấp huyện năm 2024 để tổ chức quán triệt đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đánh giá, rút kinh nghiệm, có giải pháp để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong những năm tiếp theo.

Để làm được điều đó, các sở, ban, ngành cần tăng cường chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị mình một cách quyết liệt, thực chất; khắc phục các tiêu

chí, tiêu chí thành phần bị mất điểm đã được chỉ ra; có kế hoạch cải thiện thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính trong năm 2025. Thường xuyên tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của chỉ số cải cách hành chính đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người dân trên địa bàn bị ép, chung tay thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh. Tập trung chỉ đạo giải quyết các thủ tục hành chính trong phạm vi quản lý của ngành, địa phương đúng hạn, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

Trần Đăng Khoa, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình

BÌNH THUẬN: HUYỆN TÁNH LINH TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Công tác cải cách hành chính tại huyện miền núi Tân Linh, tỉnh Bình Thuận gần đây ghi nhận những chuyển biến tích cực và được địa phương tiếp tục tập trung cải thiện để hướng tới đạt kết quả tốt hơn trong năm 2025.

Thời gian qua, công tác cải cách hành chính mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Tân Linh được chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, tập trung triển khai đồng bộ. Theo đó, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong Tiếp nhận, giải quyết và Trả kết quả hồ sơ hành chính cho tổ chức, cá nhân được duy trì nề nếp. Đối với Bộ phận Một cửa các cấp cũng hoạt động phát huy hiệu quả, tất cả thủ tục hành chính đủ điều kiện đều thực hiện tiếp nhận - trả kết quả tại đây và được người dân, doanh nghiệp đồng tình ủng hộ...

Với nỗ lực thực hiện nhiệm vụ này, kết quả cho thấy Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của huyện Tân Linh trong những năm gần đây dần được cải thiện theo hướng tích cực. Nếu như năm 2022, địa phương xếp loại khá với thứ hạng 8/10 huyện, thị xã, thành phố thì đến năm 2023 tiếp tục duy trì xếp loại khá nhưng đạt điểm số cao hơn và vươn lên xếp thứ 5/10 huyện, thị xã, thành phố. Còn trong năm 2024 vừa qua, Chỉ số cải cách hành chính của địa phương ghi nhận mức tăng cả về xếp loại lẫn thứ hạng: Xếp loại tốt và đứng thứ 1/10 huyện, thị xã, thành phố (tăng 4 bậc so với năm 2023). Riêng đối với cấp xã thuộc địa bàn huyện miền núi Tân Linh cũng có bước chuyển biến với 12 xã - thị trấn xếp loại tốt, 1 xã xếp loại khá.

Bên cạnh đó, việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp luôn được Tân Linh chú trọng thông qua xây dựng các kế hoạch thực hiện nâng cao môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của huyện, góp phần nâng cao xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) cấp tỉnh. Huyện Tân Linh cũng đã công khai tài liệu hướng dẫn, giải thích các điểm chưa rõ trong quy định về thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của huyện. Tiếp nhận và xử lý kịp thời, hiệu quả những phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư... Ngoài ra, còn phân công, bố trí lực lượng tại

Bộ phận Một cửa các cấp để hỗ trợ, hướng dẫn người dân, tổ chức quy trình thao tác, nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến, thực hiện số hóa thủ tục hành chính.

Hướng tới thực hiện đạt kết quả tốt hơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh Giáp Hà Bắc đã yêu cầu các cấp ngành tại địa phương tiếp tục cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của huyện. Đồng thời, tập trung cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của cấp xã có điểm số còn thấp so với điểm chuẩn của bộ tiêu chí đánh giá, qua đó đề ra giải pháp cụ thể nhằm cải thiện trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Năm nay, huyện Tánh Linh cũng nỗ lực giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn ở từng ngành, từng cấp, từng lĩnh vực với tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết đúng và trước hạn đạt từ 98% trở lên. Phần đầu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 70% và tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 60%, đối với tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính các cấp đạt tối thiểu 80%, còn tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử các cấp đạt 100%...

Liên quan công tác này, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh cũng đề nghị người đứng đầu các cơ quan, ban ngành, địa bàn cơ sở phải nỗ lực, quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính. Cùng với đó có giải pháp, cách làm mới để không ngừng nâng cao điểm số, thứ hạng các Chỉ số cải cách hành chính của huyện, cấp xã trong năm 2025 và trong những năm tiếp theo.

Từ năm 2020 - 2024, huyện Tánh Linh đã thực hiện rà soát, đơn giản hóa 71 thủ tục hành chính cấp huyện và 38 thủ tục hành chính cấp xã, đến nay 100% văn bản, hồ sơ công việc các cấp được xử lý trên môi trường mạng. Cùng với đó còn hỗ trợ tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức giải quyết hồ sơ trực tuyến đối với 233/233 dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã triển khai và áp dụng hình thức thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính các cấp có yêu cầu nghĩa vụ tài chính...

Nguồn: baobinhthuan.com.vn

BÌNH ĐỊNH: NHÂN DÂN LÀ ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Anh Trần Văn Huỳnh (trú thôn Đồng Quy, xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định) đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tây An để đăng ký thường trú cho 2 con. Được Thượng úy Nguyễn Đình Trung, cán bộ Công an xã nhiệt tình hướng dẫn, anh Huỳnh đã hoàn thành thủ tục chỉ sau 5 phút thao tác trên máy tính tại bộ phận một cửa.

“Gia đình tôi vừa chuyển từ TP. Hồ Chí Minh về quê sinh sống nên phải đăng ký thường trú cho 2 con sau khi chuyển trường về đây. Nhờ cán bộ chỉ dẫn, đồng thời thông tin về 2 cháu đã có sẵn trong Cơ sở dữ liệu quốc gia nên việc đăng ký nhanh gọn. Nộp xong hồ sơ, tôi vào VNeID kiểm tra thì thấy thông tin đã được cập nhật”, anh Huỳnh vui vẻ cho biết.

Tương tự, chị Phạm Thị Xuân Nương trú thôn Trà Sơn, xã Tây An khi đến đăng ký cấp lại thẻ Căn cước cũng được cán bộ Công an xã nhiệt tình hướng dẫn. Chỉ với việc dùng điện

thoại quét mã QR, chị Nương dễ dàng nộp xong hồ sơ. Tiếp theo, chị có thể đến Công an huyện Tây Sơn để làm thẻ Căn cước mà không cần chuẩn bị giấy tờ gì khác.

Đây chỉ là 2 trong số hàng trăm trường hợp đã được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân xã Tây An, sau khi địa phương triển khai mô hình dân vận khéo “Công an xã hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến và kích hoạt tài khoản định danh điện tử theo Đề án 06” triển khai hồi tháng 3/2023.

Thiếu tá Đặng Thanh Quang, Trưởng Công an xã Tây An cho hay, để thực hiện hiệu quả mô hình, Công an xã chủ động phối hợp với các ngành, hội, đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền về từng thôn, xóm, hộ gia đình. Từ năm 2023 đến nay, địa phương đã tổ chức 70 buổi tuyên truyền với hơn 5.500 lượt công dân tham gia; đăng 25 bài viết trên tài khoản Zalo, Fanpage của Công an xã và phát qua đài truyền thanh để phổ biến các nội dung về cấp, quản lý thẻ Căn cước, tài khoản định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến.

Trưởng ban Ban công tác Mặt trận thôn Trà Sơn, xã Tây An Bùi Văn Hào cho biết, vì người dân hầu hết là nông dân nên các thành viên Ban Nhân dân thôn thường xuyên vận động, giải thích để mọi người hiểu rõ về ý nghĩa, lợi ích của Đề án 06. “Theo cách cán bộ, đảng viên đi trước bà con theo sau, người biết sẽ làm trước và chỉ dẫn cho người chưa biết. Như việc vì sao phải làm thẻ Căn cước, kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Bà con hiểu được ích lợi của Đề án thì sẽ hăng hái thực hiện, thậm chí nhắc nhở con em đang học tập, làm ăn ở xa hưởng ứng”, ông Hào chia sẻ.

Bên cạnh công tác tuyên truyền, Công an xã thường xuyên thu thập, cập nhật, bổ sung thông tin công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống” đồng thời tạo điều kiện hết mức cho công dân trong thu nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước và tài khoản định danh điện tử.

Hằng ngày, cán bộ Công an xã phối hợp công chức Tư pháp - Hộ tịch cùng các đơn vị tận tình hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công. Cách làm này vừa giúp bà con tiết kiệm thời gian, công sức vừa tạo sự phấn khởi trong Nhân dân. Từ đó, chuyển đổi số dễ dàng đi vào thực tiễn, lan tỏa đến từng nhà từng người.

Chị Tào Thị Mỹ Cang trú thôn Trà Sơn, xã Tây An tâm sự: “Trước đây tôi khá mơ hồ với chuyển đổi số và lúng túng với dịch vụ công trực tuyến. Nhưng dần dần tôi thấy chuyển đổi số có rất nhiều lợi ích. Như cách đây 1 tháng, tôi mua xe máy nhưng vì bận rộn công việc nên đã đăng ký xe qua VNeID tại nhà. Chỉ mấy ngày sau biển số xe được gửi về tận nơi”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tây An Đào Duy Thái nhìn nhận, mô hình giúp tạo sự đồng thuận từ người dân, góp phần giúp địa phương triển khai hiệu quả Đề án 06 và cải cách hành chính. Tháng 12/2023, xã hoàn thành kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho 4.540 trường hợp công dân đủ điều kiện, đạt tỷ lệ 100%. Tại thời điểm đó, xã Tây An là xã về đích đầu tiên trong tỉnh về kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

Tính đến nay, Công an xã Tây An cùng các đơn vị đã trợ giúp người dân hoàn thành 938 hồ sơ thủ tục hành chính các loại, với 100% hồ sơ được giải quyết trực tuyến. Với nhiều hiệu

quả mang lại, đây là mô hình được Ban Chỉ đạo 138 tỉnh Bình Định đánh giá là một trong những mô hình Dân vận khéo tiêu biểu toàn tỉnh năm 2024.

Nguồn: cand.com.vn

AN GIANG: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHỤC VỤ HIỆU QUẢ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Chiều ngày 04/3/2025, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh An Giang Hồ Văn Mừng chủ trì hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2025.

Năm 2024, các sở ngành, địa phương đẩy mạnh công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao kết quả Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh. Ngoài ra, tỉnh An Giang còn thực hiện tốt công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, chế độ công vụ, tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Đến nay, các sở, ban ngành, địa phương đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện và cơ bản hoàn thành 66/66 đầu công việc, đạt 100% kế hoạch đề ra...

Tỉnh An Giang đã rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, với 759 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (39,45%); 441 dịch vụ công trực tuyến một phần (22,92%); 724 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến (37,63%). Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn toàn tỉnh 899.364/901.402 hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 99,77%; tỷ lệ hồ sơ quá hạn 0,23%, tương đương 2.038 hồ sơ...

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Hồ Văn Mừng yêu cầu, thủ trưởng các sở, ngành và chính quyền địa phương tập trung thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chủ trương, chính sách, các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cải cách hành chính.

Sở Nội vụ khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cụ thể hóa các chỉ đạo thành nhiệm vụ cụ thể; phối hợp các sở, ngành, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết, phân công rõ trách nhiệm trong thực hiện nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính, như: cải cách hành chính của tỉnh; năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh; hài lòng về sự phục vụ hành chính; năng lực cạnh tranh cấp sở, cấp huyện (DCCI). Ngoài ra, nhanh chóng có giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong thời gian qua do cơ quan, địa phương mình phụ trách. Thường xuyên theo dõi, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách hành chính gắn với việc đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; kịp thời khen thưởng, biểu dương nhân rộng các mô hình, cách làm tốt, hiệu quả.

Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thi hành các luật, nghị định, thông tư kịp thời, hiệu quả. Cùng với đó, các sở ngành và địa phương rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý để kịp thời điều chỉnh; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ pháp chế có chuyên môn, ổn định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức nghiên cứu, tổ chức học tập kinh nghiệm ở những nơi thực hiện tốt; có giải pháp đảm bảo giải quyết hồ sơ đúng hạn; tiếp tục duy trì nâng cao bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm việc tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo chỉ đạo Trung ương; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức.

Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu triển khai phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, điều hành và phục vụ người dân. Sở Tài chính khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết về việc miễn phí, lệ phí thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương rà soát về cơ sở vật chất, tình hình hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các xã, phường, thị trấn để có giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ người dân. Tỉnh đoàn chủ động phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện phong trào “bình dân học vụ số” trong đoàn viên, thanh niên và học sinh, sinh viên trong toàn tỉnh An Giang...

Nguồn: baoangiang.com.vn

HOÀN THIỆN NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ NHẪM ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN GIỮA CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích, đánh giá phân cấp, phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, trên cơ sở đó đưa ra định hướng hoàn thiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trong thời gian tới.

Thực trạng triển khai nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương

Hiến pháp năm 2013 đặt nền tảng cho cơ chế phân công, phân cấp giữa trung ương và địa phương, thông qua quy định: “Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra của cơ quan nhà nước cấp trên”(1). Với quy định này, chính quyền địa phương có trách nhiệm tự tổ chức thực hiện Hiến pháp và pháp luật và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương bằng việc tạo ra các điều kiện, tiền đề về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, tổ chức - pháp lý, bằng khả năng của địa phương, theo phương thức, cách thức hợp pháp, hợp lý phù hợp với điều kiện, đặc điểm ở địa phương; đồng thời có quyền tự quyết định các vấn đề của địa phương do luật định và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Nhân dân, cơ quan nhà nước cấp trên. Những vấn đề được quy định bởi luật là những vấn đề có tính ổn định, lâu dài, những vấn đề của địa phương là những vấn đề có ý nghĩa địa phương, thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của chính quyền địa phương, khi chính quyền địa phương quyết định các vấn đề của địa phương “chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên”. Việc cơ quan nhà nước cấp trên kiểm tra, giám sát đối với chính quyền địa phương nhằm đảm bảo sự thống nhất trong quản lý nhà nước, bảo đảm pháp chế, kỷ luật trong quản lý, bảo đảm cho pháp luật được thực hiện một cách nghiêm minh, thống nhất. Kiểm tra, giám sát chứ không chỉ đạo, điều hành hay can thiệp vào việc giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của địa phương, điều này nhằm tạo nên sự năng động, sáng tạo, tự quyết, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với nhân dân địa phương.

Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 có nhiều nội dung quy định theo tinh thần đổi mới. Tư tưởng chủ đạo của Luật là tiếp nối tinh thần đổi mới và cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp năm 2013 về Chính phủ, Thủ tướng và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, khắc phục những bất cập, hạn chế của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo cơ sở vững chắc nhằm tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, cải cách tổ chức và hoạt động của Chính phủ, tăng cường tính dân chủ, pháp quyền, tính chủ động, linh hoạt và tính sáng tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chính phủ trong quản lý điều hành, phục vụ doanh nghiệp và người dân.

Là một trong những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương, nội dung quy định của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 về phân cấp, phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương được thể hiện ở bốn nội dung mới như sau:

Một là, khẳng định một trong những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ là: “Phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Chính phủ với chính quyền địa phương, bảo đảm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương”(2).

Hai là, trong quan hệ với chính quyền địa phương, Chính phủ có nhiệm vụ và quyền hạn: “Thực hiện việc phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương theo quy định tại các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội”; “Trên cơ sở bảo đảm sự quản lý thống nhất của trung ương, Chính phủ phân cấp cho chính quyền địa phương quyết định hoặc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực trên địa bàn quản lý phù hợp với điều kiện và khả năng của chính quyền địa phương”(3).

Ba là, một trong những nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ là: “Quyết định việc phân cấp quản lý công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính của bộ máy nhà nước”(4).

Bốn là, với tư cách là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn: “Quyết định phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo phạm vi lãnh thổ”(5).

Triển khai thực hiện các quy định về phân cấp quản lý trong Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị quyết đề ra một số định hướng cụ thể về phân cấp trong năm lĩnh vực: quản lý ngân sách nhà nước; quản lý doanh nghiệp nhà nước; quản lý đầu tư công; quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức; quản lý đất đai.

Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai, một số quy định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền chưa được quy định rõ, nhất là chủ thể thực hiện ủy quyền, gây khó khăn trong việc áp dụng và hạn chế hoạt động của chính quyền địa phương các cấp. Luật chưa có quy định để tạo cơ sở cho các luật chuyên ngành quy định cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn không được phân cấp, ủy quyền nhằm tránh việc phân cấp, ủy quyền tràn lan, làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

Thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước là “thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện”(6).

Khắc phục những hạn chế trên, ngày 22/11/2019, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Luật sửa đổi những quy định không còn phù hợp, vướng mắc, bất cập; bổ sung những vấn đề mới bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Chính phủ, đồng thời thực hiện phân quyền, phân cấp mạnh mẽ, hợp lý giữa trung ương với chính quyền địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách hành chính. Trong đó, tập trung vào quy định rõ khi thực hiện phân quyền, phân cấp phải gắn phân quyền với phân cấp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm các điều kiện cụ thể về ngân sách, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác cho các địa phương trách nhiệm của các cơ quan khi thực hiện ủy quyền và các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

Thể chế hóa quan điểm của Đảng và các quy định của Nhà nước, Nghị quyết số 99/2020/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực đã đề ra mục tiêu phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ. Việc phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương đảm bảo phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, khai thác tối đa các tiềm năng của địa phương. Mỗi cấp chính quyền địa phương có thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước ở cấp trên, nhưng dựa trên cơ sở một việc không giao quá hai cấp hành chính quản lý dựa trên cơ sở những điều kiện thực hiện nhiệm vụ tương ứng, dựa trên sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước ở cấp trên đối với chính quyền địa phương.

Tiếp đến, Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đã xác định rõ mục tiêu đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các Bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành với chính quyền địa phương gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, của pháp luật, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân.

Chính sách phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước qua các văn bản pháp luật nói trên thể hiện quan điểm, mục tiêu, nội dung và các giải pháp về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Các văn bản pháp luật này tạo nên chính sách khung về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Tinh thần của chế định các văn bản nói trên là đổi mới mạnh mẽ về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước giữa trung ương và chính quyền địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương với nhau góp phần phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trên cơ sở phân định rõ, cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cấp trong bộ máy chính quyền nhà nước;

mặt khác, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và thông suốt của chính quyền Trung ương, tăng cường kỷ luật, kỷ cương để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước phục vụ tốt hơn nhu cầu và lợi ích của nhân dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội ở từng địa phương phát triển, trên cơ sở phát huy thế mạnh của mỗi địa phương trong một nhà nước thống nhất.

Tuy nhiên, cả về phương diện pháp luật và thực tiễn về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương vẫn tồn tại một số bất cập, vướng mắc cụ thể như sau:

Thứ nhất, hệ thống chính sách, pháp luật về phân cấp, phân quyền chưa đồng bộ, chưa có những cơ chế cụ thể, mới chỉ dừng lại ở những nguyên tắc, yêu cầu chung. Hiến pháp năm 2013 chỉ quy định chung việc phân cấp của cơ quan cấp trên cho chính quyền địa phương trong một số trường hợp cần thiết(7). Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 khẳng định việc phân cấp, phân quyền phải theo quy định của Luật và nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 cũng đã quy định về các nguyên tắc phân cấp, phân quyền. Tuy nhiên, Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2019) chưa xác định được nguyên tắc, phạm vi, giới hạn quyền được phân cấp; chưa phân định rõ đâu là nhiệm vụ của chính quyền địa phương và đâu là nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân để phân cấp.

Thứ hai, quy định về cách hiểu nguyên tắc phân cấp và nguyên tắc phân quyền chưa được phân tách và làm rõ. Sự khác nhau trong quản lý một công việc - giữa các cấp địa phương vẫn chưa được quy định rõ. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2019), nếu so sánh thì nhiệm vụ của cấp xã (phường) hầu như không khác nhau. Sự không rành mạch này cũng thể hiện rõ trong các quy định về nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cũng không mấy khác biệt.

Thứ ba, pháp luật chưa xác lập đầy đủ cơ sở pháp lý để tạo bước chuyển căn bản và mạnh mẽ về phân quyền hợp lý giữa các chính quyền địa phương. Sau Hiến pháp năm 2013, khá nhiều lĩnh vực đã được phân cấp cho địa phương. Tuy nhiên, cơ chế trao quyền cũng còn có một số vấn đề như đa số việc trao quyền được thực hiện trong các đạo luật chuyên ngành; trao quyền được thực hiện bằng công cụ lập quy; phân cấp, phân quyền mới chỉ được triển khai mạnh giữa trung ương và cấp tỉnh mà chưa rõ ràng giữa các cấp địa phương. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2019) chưa cụ thể hóa sự khác biệt trong quyền hạn của từng đơn vị hành chính lãnh thổ. Trong khi đó, các đạo luật chuyên ngành đã thể hiện tư duy phân cấp rành mạch hơn nhiều, như: Luật Phí và lệ phí, Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Trợ giúp pháp lý,... Trong các đạo luật này, hoạt động thực thi hầu như đều thuộc về chính quyền cấp tỉnh; ở trung ương chỉ làm nhiệm vụ định hướng và giám sát.

Thứ tư, sự phân định trách nhiệm, quyền hạn của trung ương và địa phương, cũng như giữa các cấp chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực chưa hợp lý. Ví dụ, trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên cần có sự quản lý thống nhất cao của trung ương nhưng lại phân cấp quá nhiều, quá mạnh cho chính quyền địa phương, dẫn đến tình trạng sử dụng sai mục đích, sai quy hoạch, nhượng bán, cho thuê tràn lan, tùy tiện tại các địa phương. Trong khi đó một số lĩnh vực như quản lý thị trường, quản lý một số dịch vụ công (một số bệnh viện công,

một số công trình văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao công...) mặc dù gắn rất chặt với các hoạt động của người dân địa phương nhưng các bộ, ngành lại trực tiếp nắm giữ.

Thứ năm, nội dung phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công gần giống nhau theo từng cấp hành chính (tỉnh, huyện, xã), trong khi mỗi loại hình đơn vị hành chính cùng cấp có những khác biệt đáng kể về quy mô, đặc điểm, tính chất, đòi hỏi phải có chính sách, cơ chế phân cấp, phân quyền khác nhau, phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính. Chẳng hạn, TP. Thủ Đức thuộc TP. Hồ Chí Minh có quy mô dân số và thu ngân sách lớn hơn TP. Đà Nẵng nhưng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy cũng như mức độ, phạm vi phân cấp, phân quyền cho chính quyền thành phố này cũng giống như của chính quyền quận là rất bất hợp lý. Hoặc ở thành phố Hà Nội, việc phân cấp, phân quyền cho thị xã Sơn Tây cũng giống như cho các quận nội thành, trong khi thị xã Sơn Tây là một đô thị tương đối độc lập về địa lý lãnh thổ, kết cấu hạ tầng, hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt của người dân, còn các quận chỉ là các đơn vị hành chính nội bộ trong một đô thị thống nhất (khu vực nội thành), không có tính độc lập như thị xã Sơn Tây. Điều đó đã gây nên những hạn chế, khó khăn cho chính quyền thị xã Sơn Tây cũng như cả cho chính quyền các quận trong các hoạt động quản lý đô thị và cung ứng dịch vụ công (vì có thể phù hợp với quận nhưng lại bất hợp lý với thị xã Sơn Tây)...

Thứ sáu, phân cấp, phân quyền gần giống nhau giữa chính quyền đô thị với chính quyền nông thôn (tỉnh giống thành phố trực thuộc Trung ương; thành phố thuộc tỉnh, thị xã giống huyện, xã giống phường, thị trấn) trong khi giữa các loại hình đơn vị hành chính này có sự khác biệt rất lớn về các hoạt động kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng, văn hóa, dân cư... Các hoạt động kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng, đời sống dân cư ở đô thị có tính tập trung thống nhất cao, không bị chia cắt theo địa giới đơn vị hành chính nội bộ (quận, phường), nhưng cơ chế phân cấp, phân quyền giữa thành phố - quận - phường lại gần giống với giữa tỉnh - huyện - xã là chưa hợp lý.

Thứ bảy, chính sách phân cấp, phân quyền trong hành chính nhà nước gắn rất chặt với yêu cầu kiểm tra, giám sát. Tuy nhiên, vẫn chưa có những hành lang pháp lý cụ thể về vấn đề này, nhất là những chế tài xử lý đối với các vi phạm về phân cấp, phân quyền. Chẳng hạn, việc buông lỏng trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước ở Trung ương và cấp trên đối với cấp dưới trong thời gian qua đã dẫn đến tình trạng “phình to” bộ máy tổ chức và biên chế ở cấp dưới. Việc kiểm soát, thanh tra, kiểm tra của chính quyền trung ương đối với hoạt động của các cơ quan chính quyền địa phương trong quá trình phân cấp, phân quyền chưa tốt dẫn đến nhiều địa phương lợi dụng việc phân cấp, phân quyền để đưa ra các quyết sách vì lợi ích cục bộ, hoặc thực hiện quyết sách theo hướng có lợi cho địa phương, thậm chí sẵn sàng vi phạm các quy định mà cơ quan trung ương ban hành.

Một số định hướng hoàn thiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra phương hướng, giải pháp đối với phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước như sau: “Đổi mới mạnh mẽ phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo,

điều hành. Củng cố, hoàn thiện hệ thống chính quyền địa phương; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương và địa phương. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế địa phương và kinh tế vùng trên cơ sở phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, địa phương. Đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước, phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách theo hướng tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khuyến khích và thúc đẩy sáng tạo của chính quyền địa phương”; “Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương” trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, xác định các nguyên tắc khi phân quyền, phân cấp giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương.

Xác định phân quyền, phân cấp là nhiệm vụ quan trọng, hướng tới xây dựng chính quyền địa phương chủ động, tự chịu trách nhiệm, Trung ương không làm thay cho chính quyền địa phương, nhưng tính đến sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của chính quyền trung ương với chính quyền địa phương. Phân định rõ thẩm quyền các cấp chính quyền địa phương, chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn, đặc thù khác nhau giữa đô thị và nông thôn để phân cấp, phân quyền cho phù hợp để bảo đảm tính chủ động, sáng tạo, tự chủ của chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn. Vì vậy, việc đổi mới phân cấp, phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương cần đảm bảo một số nguyên tắc chủ yếu sau:

Thứ nhất, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

Thứ hai, phân quyền, phân cấp phải rành mạch, rõ việc, rõ địa chỉ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, mỗi việc chỉ do một cấp, một cơ quan thực hiện chính, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp chính quyền, mỗi cấp hành chính.

Thứ ba, phân định nhiệm vụ phải gắn với thẩm quyền và trách nhiệm tương ứng, phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm nông thôn, đô thị, vùng núi, hải đảo và với đặc thù của từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Thứ tư, phải gắn phân quyền, phân cấp với tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát của chính quyền trung ương và của người dân, xã hội.

Thứ năm, đảm bảo công khai, minh bạch và thực hiện trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương đối với các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp.

Hai là, hoàn thiện quy định về tổ chức và hoạt động của Chính phủ tại Luật Tổ chức Chính phủ theo hướng:

Đề không làm hạn chế chức năng, thẩm quyền của Chính phủ đã được Hiến pháp quy định; đồng thời, bảo đảm tính linh hoạt, chủ động trong hoạt động của Chính phủ, cần quy

định khái quát, không quy định quá chi tiết, cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ như Luật Tổ chức Chính phủ hiện hành.

Phân biệt rõ và gắn kết đồng bộ giữa phân cấp với phân quyền cho địa phương trong sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), tạo cơ sở từng bước hình thành chế độ tự quản của địa phương, phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền và của người dân địa phương trong giải quyết những công việc của địa phương, những nhiệm vụ được phân cấp, phù hợp với tính chất, đặc điểm, lợi thế của từng vùng miền.

Luật Tổ chức Chính phủ sửa đổi cần phải xác định rõ những ngành, lĩnh vực, những việc Chính phủ quản lý tập trung thống nhất, không phân cấp, nhưng có thể thực hiện ủy quyền; xác định những ngành, lĩnh vực, những công việc quản lý, về bản chất, là những việc của địa phương thì chính quyền địa phương và người dân địa phương quyết định, để thực hiện phân quyền cho địa phương.

Luật Tổ chức Chính phủ sửa đổi cần quy định rõ vai trò, trách nhiệm của Chính phủ, của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc hướng dẫn, hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với chính quyền địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền. Đề cao trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm để bảo đảm chính quyền địa phương hoạt động trong khuôn khổ phù hợp với định hướng rộng lớn của chính sách quốc gia; bảo đảm tính thống nhất và thông suốt, kỷ luật, kỷ cương của nền hành chính. Tuy nhiên, cũng phải bảo đảm yêu cầu tôn trọng tính tự chủ, độc lập tương đối của mỗi cấp chính quyền địa phương trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật; cấp trên không được can thiệp cụ thể vào công tác chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền cho cấp dưới.

Cần xác lập trong Luật Tổ chức Chính phủ sửa đổi cơ chế gắn phân cấp với việc giải quyết các vấn đề liên vùng, với vấn đề hợp tác, phối hợp giữa các địa phương, kể cả phối hợp giữa trung ương và địa phương.

Ba là, xây dựng cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát khi thực hiện phân cấp, phân quyền.

Trong bối cảnh phân quyền, phân cấp hiện nay, cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát sẽ phải làm rõ nội dung: đối với các thẩm quyền chưa phân quyền cho địa phương, có nghĩa là những thẩm quyền mà địa phương thực hiện căn cứ vào văn bản pháp luật, sự chỉ đạo của cấp trên (ví dụ: trước khi quyết định phải được phê chuẩn, duyệt của cấp trên). Trong trường hợp này, cấp trên có quyền giám sát trực tiếp thông qua việc đình chỉ, bãi bỏ các văn bản của chính quyền địa phương nếu trái luật, trái văn bản cấp trên. Đối với những thẩm quyền đã phân quyền cho địa phương, có nghĩa là những thẩm quyền mà địa phương có toàn quyền tự quyết, thì các cơ quan hành chính cấp trên không có quyền giám sát, chính quyền địa phương chỉ chịu sự kiểm soát duy nhất của pháp luật - mà đại diện là cơ quan tư pháp.

TS. Lê Anh Tuấn, Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Điều 112 Hiến pháp năm 2013.

(2) Khoản 4 Điều 5 về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ.

(3) Khoản 1 Điều 25 về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ đối với chính quyền địa phương.

(4) Điểm đ Khoản 2 Điều 28 về nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ.

(5) Khoản 6 Điều 34 về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ.

(6) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

(7) Khoản 3 Điều 112 Hiến pháp năm 2013.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, tập I.

2. Quốc hội, Hiến pháp năm 2013.

3. Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015.

4. Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

5. Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

6. Bộ Nội vụ, Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Định hướng hoàn thiện pháp luật về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo tinh thần Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và giải pháp tổ chức thực hiện; Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cấp quốc gia “Định hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, do Bộ Tư pháp, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì.

7. Trần Thị Diệu Oanh (2013), “Tác động của phân cấp quản lý đến địa vị pháp lý của chính quyền địa phương trong đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh, “Phân cấp, phân quyền và thực tiễn triển khai theo Hiến pháp năm 2013”, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội (số 4/2018).

9. Võ Thị Thúy Kiều, Lê Thông Tiến, Nguyễn Thị Như Ý, “Đánh giá thực trạng phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương tại Việt Nam”, Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, (05/5/2020).

10. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/05/06/thuc-hien-phan-quyen-giua-trung-uong-va-chinh-quyen-dia-phuong-trong-dieu-kien-hien-nay/>.

11. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/11/03/hoan-thien-quy-dinh-ve-to-chuc-bo-may-hanh-chinh-phu-hop-voi-phan-cap-phan-quyen/>.

12. <https://tcnn.vn/news/detail/56885/Tiep-tuc-hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-phan-cap-phan-quyen-nham-bao-dam-quan-ly-nha-nuoc-thong-nhat-hieu-qua.html>.
13. <https://tcnn.vn/news/detail/41855/Danh-gia-chinh-sach-phan-cap-phan-quyen-hanh-chinh-nha-nuoc-o-Viet-Nam-hien-nay.html>.
14. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/04/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-phan-cap-phan-quyen-trong-bo-may-nha-nuoc-o-viet-nam-hien-nay/>.
15. <https://www.moha.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tin-hoat-dong-cua-bo-noi-vu/hoi-thao-ve-day-manh-phan-cap-quan-ly-nha-40846.html>.

SỬA HIẾN PHÁP ĐỂ CẢI CÁCH BỘ MÁY, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Theo các chuyên gia, nhà nghiên cứu thì thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp (gồm cấp tỉnh và cấp xã) sẽ phải sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật, đầu tiên là Hiến pháp.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư vừa ban hành Kết luận số 127-KL/TW về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Theo đó, nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Theo các chuyên gia, nhà nghiên cứu thì thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp (gồm cấp tỉnh và cấp xã) sẽ phải sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật, đầu tiên là Hiến pháp. Với những bước chuyển mạnh mẽ của cuộc cách mạng sắp xếp tổ chức bộ máy, việc sửa đổi Hiến pháp là tất yếu, đặc biệt khi mục tiêu đã rõ ràng: phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn và tạo không gian phát triển mới cho các địa phương, cho đất nước.

Hiến pháp năm 2013 quy định, chính quyền địa phương được tổ chức theo 3 cấp gồm: cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và cấp xã, phường, thị trấn. Hiến pháp cũng quy định, việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do luật định. Nhiều chuyên gia cho rằng, đến nay các điều kiện để tổ chức lại mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, bỏ cấp trung gian đã chín muồi.

GS. Trần Ngọc Đường, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội cho rằng, kể từ khi thành lập nước, Việt Nam đã có 5 lần sửa đổi Hiến pháp. Lần này, nếu bỏ cấp trung gian, không tổ chức chính quyền cấp huyện theo định hướng nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, yêu cầu đặt ra là phải nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp:

“Sửa Hiến pháp 1 - 2 Điều thì Quốc hội ra Nghị quyết rồi tiến hành sửa. Đối với cấp huyện, chúng ta tiến hành sáp nhập các huyện trên cơ sở tương đồng nhau, đảm bảo các tiêu chí Trung ương đề ra như dân số, diện tích, điều kiện môi trường để cùng nhau phát triển”, GS. Trần Ngọc Đường nói.

Theo Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì Đảng ủy Quốc hội được giao chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Chính phủ nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp với phạm vi là các vấn đề về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...

Theo Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội Nguyễn Phương Thủy, quy trình sửa đổi Hiến pháp được quy định rõ trong Điều 120 của Hiến pháp năm 2013. Theo đó, Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội có quyền đề nghị làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp. Quốc hội quyết định việc làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp khi có ít nhất 2/3 số đại biểu Quốc hội tán thành. Sau đó, Quốc hội thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Hiến pháp, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình Quốc hội dự thảo Hiến pháp. Hiến pháp được thông qua khi có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định. Thời hạn công bố, thời điểm có hiệu lực của Hiến pháp do Quốc hội quyết định.

Bà Nguyễn Phương Thủy cũng khẳng định, cùng với việc sửa đổi Hiến pháp, chắc chắn cũng phải sửa đổi các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương liên quan tới các cấp hành chính, cấp chính quyền. Thứ hai, điều chỉnh lại nhiệm vụ quyền hạn của các cấp chính quyền, đang từ 3 cấp sang 2 cấp.

Theo nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản Vũ Văn Phúc, bỏ cấp huyện, bớt được tầng lớp trung gian sẽ giúp cho chủ trương, đường lối, chính sách nhanh chóng đến với người dân, doanh nghiệp hơn.

Việc bỏ cấp trung gian - cấp huyện trong thời điểm này là cần thiết, làm cho các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước xuống thẳng cơ sở, không phải qua tầng nấc trung gian cấp huyện nữa, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đòi hỏi phải biết chớp thời cơ, tận dụng cơ hội phát triển.

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương Lê Minh Hưng nhấn mạnh, thời gian tới cần làm nhanh đối với những vấn đề đã chín, đã rõ, để sau Đại hội tập trung ngay vào thực hiện Nghị quyết. Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương cho biết, việc tổ chức sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương có định hướng, lộ trình cụ thể. Tinh thần là sáp nhập mạnh mẽ ở cấp xã; tổ chức lại chính quyền địa phương theo hướng 2 cấp (gồm cấp tỉnh và cấp xã) và sáp nhập địa giới hành chính một số tỉnh. Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương khẳng định tinh thần vừa nghiên cứu các tiêu chí theo hướng kỹ lưỡng, thận trọng... nhưng phải thực hiện trong thời gian nhanh để kịp tổ chức Đại hội.

“Tổ chức lại như thế phải tiếp tục sáp nhập các xã; sáp nhập địa giới hành chính các tỉnh. Chúng ta phải chuẩn bị rất kỹ lưỡng. Việc này chúng ta đã làm nhiều năm, có tổng kết đánh giá và có đầy đủ cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học cơ sở thực tiễn rồi quan trọng nhất việc sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị phải đạt đến được mục tiêu là tạo không gian để các địa phương và đất nước chúng ta phát triển”, Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương Lê Minh Hưng nói.

Hiến pháp là đạo luật gốc, rất quan trọng của mỗi quốc gia và việc sửa đổi Hiến pháp chính là nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh mới của đất nước. Việc nghiên cứu định hướng không tổ chức cấp huyện tại Kết luận số 127 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư là một bước đi phù hợp với xu thế cải cách bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, nhất là khi đất nước đang nỗ lực chuyển mình, bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển phồn vinh và hạnh phúc.

Nguồn: vov.vn

BỎ CẤP HUYỆN: BƯỚC ĐỘT PHÁT TƯ DUY NỀN HÀNH CHÍNH

Việc định hướng bỏ cấp huyện là bước đi mang tính lịch sử, mở ra một chương mới cho nền hành chính Việt Nam.

Kết luận số 126-KL/TW và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã giao Đảng ủy Chính phủ chủ trì nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện).

TS. Nguyễn Đức Quyền, chuyên gia quản lý công, Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh, nhìn nhận điều này sẽ mang tính đột phá, thể hiện tinh thần cách mạng tiến bộ, phá bỏ tư duy cũ để thực sự hướng đến một nền hành chính tinh gọn, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Bỏ tổ chức chính quyền địa phương ở cấp huyện?!

Phóng viên: Thưa ông, có thể hiểu việc bỏ cấp hành chính trung gian là bỏ những cơ quan nào (bỏ bộ máy hành chính cấp huyện hay chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính cấp huyện...)?

TS. Nguyễn Đức Quyền: Định hướng bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện) là một chủ trương lớn, thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Dưới góc nhìn của nhà nghiên cứu, tôi cho rằng việc bỏ cấp hành chính trung gian cần được hiểu một cách toàn diện theo tinh thần Kết luận số 126-KL/TW và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị và phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm.

Hiểu đúng về việc bỏ cấp hành chính trung gian không chỉ đơn thuần là việc bỏ bộ máy hành chính cấp huyện (các phòng, ban chuyên môn) mà còn bao gồm cả việc xem xét, nghiên cứu mô hình bỏ tổ chức chính quyền địa phương ở cấp huyện.

Mục tiêu là giảm bớt tầng nấc trung gian, tránh chùng chể về chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, giảm chi phí hành chính, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

Như vậy, xem xét mô hình tổ chức chính quyền quốc gia ba cấp (Trung ương, tỉnh, xã) hoặc bốn cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã) là một phần trong quá trình nghiên cứu bỏ cấp hành chính trung gian.

Phóng viên: Tổng Bí thư Tô Lâm có đề cập đến việc 80% các nước trên thế giới đang áp dụng mô hình tổ chức chính quyền ba cấp?

TS. Nguyễn Đức Quyền: Việc bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện) là một xu hướng đang được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm, đặc biệt là trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin như hiện nay.

Nhiều quốc gia phát triển như các nước Bắc Âu (Đan Mạch, Thụy Điển), Canada, Úc... đã thực hiện việc tinh gọn bộ máy hành chính. Việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế là cần thiết

để áp dụng phù hợp vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Tuy nhiên, cần phân cấp, trao quyền rõ ràng cho cấp xã và nâng cao năng lực cho cấp tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ được giao khi tinh gọn bộ máy.

Tại Việt Nam, chúng ta cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về cơ sở pháp lý, nguồn lực và đội ngũ cán bộ. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi và thời gian thực hiện việc bỏ cấp huyện, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp hành chính, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện thực tiễn, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Tôi cho rằng chúng ta cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, đảm bảo sự kết nối và thông suốt giữa các cấp như xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, kinh tế... để phục vụ cho quản lý.

Việc thấy rõ nhất trong thời gian tới là chính sách phải phù hợp để giải quyết vấn đề cán bộ dôi dư cũng như nâng cao năng lực của đội ngũ, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Cần thay đổi rất nhiều văn bản pháp lý

Phóng viên: Theo định hướng, ngành Công an sẽ thí điểm trước việc này, sau đó có thể tới Tòa án, Viện Kiểm sát...

TS. Nguyễn Đức Quyền: Nếu đi theo lộ trình này thì đây sẽ là một bước đi chiến lược, tạo tiền đề quan trọng, vững chắc để tiến tới bỏ bộ máy hành chính/chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính cấp huyện trên phạm vi toàn quốc.

Theo tôi, ngành Công an có tính đặc thù cao, có hệ thống tổ chức dọc từ Trung ương đến địa phương, nếu thực hiện tốt việc bỏ cấp huyện sẽ tạo tính thống nhất cao, thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành từ Trung ương.

Việc thí điểm trong ngành công an sẽ giúp đánh giá một cách toàn diện những tác động của việc bỏ cấp huyện đối với một hệ thống dọc; tạo ra mô hình hoạt động hiệu quả, chứng minh tính khả thi của việc bỏ cấp huyện, xóa bỏ những lo ngại về sự xáo trộn, gián đoạn trong hoạt động quản lý nhà nước.

Yếu tố then chốt để thí điểm thành công đó là sự chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương, sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành, sự tham gia của chính quyền địa phương và đồng thuận của người dân.

Phóng viên: Vậy việc bỏ cấp huyện sẽ đặt ra những thách thức ra sao?

TS. Nguyễn Đức Quyền: Bên cạnh những thuận lợi như tôi đã phân tích ở trên thì thách thức lớn nhất là vấn đề thời gian để đảm bảo ổn định nguồn lực và thông suốt trong hoạt động. Sẽ có một chút áp lực về thời gian, dôi dư cán bộ ở một vài nơi nhưng không có vấn đề gì nếu chúng ta có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đồng bộ và quyết tâm cao thực hiện từ các cấp, các ngành cũng như sự ủng hộ của toàn dân.

Thách thức tiếp theo là việc này sẽ cần thay đổi và bổ sung rất nhiều các văn bản pháp lý liên quan, do vậy cần thời gian nghiên cứu kỹ càng và thực hiện chuẩn xác.

Dẫu vậy, định hướng bỏ cấp huyện là một quyết định mang tính chiến lược, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của đất nước nên cần tận dụng được thời cơ và vượt qua thách thức để hướng đến một nền hành chính nhanh, mạnh, thông suốt từ các cấp, các ngành liên quan.

Phá bỏ tư duy cũ

Phóng viên: Như vậy, đây sẽ là cuộc cải cách theo tinh thần cách mạng tiến bộ?

TS. Nguyễn Đức Quyền: Đúng vậy. Đây sẽ là một bước đi táo bạo, mang tính đột phá, thể hiện tinh thần cách mạng tiến bộ. Tôi hoàn toàn ủng hộ chủ trương này và kỳ vọng vào một tương lai tươi sáng cho nền hành chính Việt Nam với việc phá bỏ tư duy cũ.

Việc duy trì bộ máy hành chính công kênh, nhiều tầng nấc trung gian không còn phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại. Nhất là khi chúng ta bước vào kỷ nguyên mới, rất cần thay đổi phương thức quản lý hành chính, hướng tới sự tinh gọn, hiệu quả theo hướng quản lý công mới (NPM-New Public Management).

Nếu bỏ cấp huyện sẽ thúc đẩy quá trình phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho cấp tỉnh và cấp xã, tạo điều kiện chủ động, linh hoạt hơn trong việc giải quyết các vấn đề của địa phương, phát huy tính tự chủ, sáng tạo. Ngoài ra, điều này còn giúp giảm bớt thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, tiết kiệm được một số nguồn lực đáng kể để đầu tư cho các lĩnh vực ưu tiên khác như giáo dục, y tế, hạ tầng...

Khi định hướng quan trọng này được triển khai trên thực tế, chúng ta kỳ vọng vào một nền hành chính thực sự tinh gọn, hiệu quả, hoạt động theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Bộ máy hành chính sẽ được tổ chức một cách khoa học, hợp lý, đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với công việc. Chính quyền địa phương năng động, sáng tạo, có khả năng thích ứng linh hoạt với những thay đổi của môi trường.

Tôi cho rằng cuộc cải cách này sẽ góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Chúng ta sẽ có một xã hội công khai, minh bạch, nơi người dân có thể dễ dàng tiếp cận thông tin và tham gia vào quá trình quản lý nhà nước, tạo điều kiện cho người dân giám sát hoạt động của chính quyền.

Một lần nữa, tôi nhấn mạnh đây chính là bước đi mang tính lịch sử, mở ra một chương mới cho nền hành chính Việt Nam.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông.

Nguồn: plo.vn

MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN BA CẤP NHÌN TỪ THẾ GIỚI

Việc bỏ các cấp hành chính trung gian hoặc sáp nhập tỉnh để tinh gọn bộ máy là xu hướng chung của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm cải thiện hiệu quả hành chính. Tuy nhiên, mỗi

nước có cách tiếp cận khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm của từng quốc gia, từng địa phương và ở từng giai đoạn phát triển nhất định.

Nhật Bản: Các đơn vị hành chính phù hợp với đặc thù địa phương

Tổ chức hành chính của Nhật Bản được chia thành 3 cấp: Chính quyền trung ương; chính quyền tỉnh (gồm đô, đạo, phủ, huyện); chính quyền cơ sở (gồm thành phố, thị trấn, làng, quận đặc biệt). Tại hai cấp chính quyền địa phương đều có Ủy ban và Hội đồng. Các thành viên đứng đầu 2 cơ quan này đều được dân bầu trực tiếp, công khai. Việc giải quyết công việc hành chính của địa phương do người đứng đầu của địa phương thực hiện.

Nhật Bản có tổng cộng 47 đơn vị hành chính cấp tỉnh nhưng trên cơ sở những đặc điểm kinh tế, văn hóa hay lịch sử, có tên gọi khác nhau, bao gồm 1 “đô”, 1 “đạo”, 2 “phủ”, 43 “huyện”.

1 đô chính là “tỉnh Thủ đô Tokyo” sau khi thành phố Tokyo bị giải thể vào năm 1943, và Phủ Tokyo được nâng lên thành Thủ đô Tokyo còn các quận cũ của thành phố Tokyo trở thành 23 quận đặc biệt.

1 đạo là tỉnh đạo Hokkaido. Thuật ngữ này ban đầu dành cho những vùng gồm nhiều kuni (hệ thống tỉnh cũ của Nhật Bản).

2 phủ bao gồm hai tỉnh phủ Osaka và Kyoto, chỉ những vùng đô thị trọng yếu của quốc gia. Chẳng hạn tỉnh phủ Kyoto có thành phố Kyoto từng là kinh đô cũ của Nhật Bản.

Huyện là loại hình phổ biến nhất trong thang hành chính địa phương cấp 1 của Nhật Bản, với tổng cộng 43 đơn vị. Ý nghĩa nguyên thủy của chữ Hán bắt nguồn từ Trung Quốc chỉ những tỉnh nông thôn.

Đơn vị hành chính cấp cơ sở có 1.719 đơn vị, gồm các loại chính là: thành phố, thị trấn, làng, quận đặc biệt. Các thành phố được phân loại theo bốn cấp độ dựa trên dân số, diện tích... Chẳng hạn “đô thị quốc gia” (thành phố chỉ định) là loại hình thành phố có tổng số dân trên 500.000. “Thành phố trung tâm” (thành phố lõi) là đơn vị phải có tổng số dân trên 300.000 và tổng diện tích hơn 100km². “Thành phố đặc biệt” có tổng số dân trên 200.000. “Thành phố thông thường” có tổng số dân trên 50.000 với ít nhất 60% hộ gia đình phải là thị dân, và ít nhất 60% hộ gia đình có thu nhập phụ thuộc vào thương mại dịch vụ, công nghiệp hoặc ngành nghề đô thị khác.

Cùng ngang cấp đơn vị hành chính với thành phố còn có thị trấn và làng. Thị trấn là những khu vực tập trung dân cư chưa đạt đến các điều kiện để nâng cấp thành thành phố. Làng là một cộng đồng dân cư ở vùng nông thôn, và theo sự phát triển của kinh tế và nhân khẩu mà nhiều làng có thể kết hợp lại để nâng cấp thành thị trấn.

Cùng trong cấp còn có 23 quận đặc biệt của Thủ đô Tokyo, được quy định trong Luật Tự trị địa phương và chỉ được áp dụng duy nhất cho Tokyo.

Hiện nay, phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương được quy định tại Luật Tự trị địa phương (ban hành năm 1947, sửa đổi năm 2021). Theo đó, chính quyền trung ương giữ vai trò chủ chốt, thực hiện những công việc có liên quan đến vị thế của quốc gia trong cộng đồng quốc tế (ngoại giao, phòng vệ, tiền tệ, tư pháp...); những hoạt động

của người dân cần phải thống nhất trên toàn quốc (tiêu chuẩn bảo vệ cuộc sống, tiêu chuẩn lao động...) hay những công việc liên quan đến quy định cơ bản về tự trị địa phương hoặc những chính sách, dự án phải thực hiện trên toàn quốc (lương hưu công, phát triển vũ trụ, công trình giao thông huyết mạch...). Còn chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc thực hiện tự chủ và tổng hợp công việc quản trị tại địa phương. Với mô hình chính quyền ba cấp này, chính quyền cơ sở có thể nhanh chóng đáp ứng nhu cầu đặc thù của cộng đồng, như ứng phó thảm họa ở các khu vực thường xuyên xảy ra động đất, phát huy các lễ hội truyền thống, di sản văn hóa đa dạng... Trong khi đó, các tỉnh cạnh tranh thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực.

Đan Mạch: Hai cuộc cải cách hành chính quan trọng

Đan Mạch, với tổng diện tích là hơn 43.000km² là một chính quyền 3 cấp với: chính quyền trung ương, chính quyền vùng (regioner) và chính quyền thành phố (kommuner). Để có được bộ máy tinh gọn như hiện nay, Đan Mạch đã chứng kiến hai cuộc cải cách hành chính mang tính cách mạng, tạo ra những đột phá và biến chuyển quan trọng.

Lần đầu tiên là năm 1970, cuộc cải cách hành chính sâu rộng này đã giảm số lượng thành phố Đan Mạch từ 1.098 xuống còn 277 và giảm từ 25 tỉnh (county) xuống còn 14. Cuộc cải cách này cũng bãi bỏ thị trấn.

Vào năm 2007, Đan Mạch đã tiến hành cuộc cải cách khác với những thay đổi lớn đối với cấu trúc hành chính của chính quyền địa phương ở Đan Mạch. Theo đó, sáp nhập 14 tỉnh cũ thành 5 vùng mới; đồng thời, các thành phố nhỏ hơn được sáp nhập thành các đơn vị lớn hơn, giảm số lượng từ 271 thành phố xuống còn 98.

Đây được đánh giá là cuộc cải cách cấp tiến nhất của hệ thống hành chính kể từ Hiến pháp dân chủ đầu tiên năm 1849. Một số người mô tả nó là “cuộc tập trung quyền lực lớn nhất trong lịch sử Đan Mạch”. Hầu hết các thành phố đều có ít nhất 20.000 dân để bảo đảm tính bền vững về tài chính và nghề nghiệp, mặc dù có một số trường hợp ngoại lệ. Đứng đầu các đơn vị hành chính là các hội đồng được bầu trực tiếp với nhiệm kỳ 4 năm. Kế hoạch cải cách cấu trúc đã được Quốc hội Đan Mạch thông qua vào ngày 16.6.2005 và có hiệu lực 10 ngày sau đó.

Cuộc bầu cử đầu tiên để bầu hội đồng các thành phố và khu vực mới diễn ra vào ngày 15/11/2005. Tại đây, cử tri đã bầu ra 2.522 thành viên hội đồng ở 98 thành phố và 205 thành viên hội đồng của 5 vùng. Tuy nhiên, hội đồng các thành phố cũ (vốn nhiệm kỳ kết thúc vào cuối năm 2005) được kéo dài thêm một năm để cơ cấu cũ có thể hoạt động trong khi cơ cấu mới được xây dựng.

Mô hình liên bang ba cấp: Phân rõ trách nhiệm

Trên thế giới, Mỹ là nước theo mô hình chính quyền 3 cấp rõ rệt bao gồm: Liên bang - bang - địa phương. Theo mô hình này thì chính quyền liên bang là khá nhỏ bởi nhiều lĩnh vực ở cấp bang do bộ ở bang đó phụ trách (chẳng hạn Tổng thống Donald Trump đang đề xuất bỏ Bộ Giáo dục). Các bang có quyền tự chủ cao, trong khi chính quyền địa phương có mô hình tổ chức linh hoạt tùy quy định của từng bang.

Một số nước ở châu Á và châu Âu cũng áp dụng mô hình liên bang 3 cấp giống như Mỹ. Chẳng hạn Ấn Độ có cấp 1 là Chính phủ Liên bang. Cấp 2 là các bang và vùng lãnh thổ liên bang. Cấp 3 là các quận, thị trấn, làng. Chính quyền 3 cấp của Indonesia bao gồm: Chính quyền trung ương; chính quyền tỉnh; chính quyền thành phố/huyện.

Đức là nước có mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo kiểu liên bang, gồm có chính quyền liên bang, 16 chính quyền bang (trong đó có ba bang là thành phố gồm Berlin, Hamburg, Bremen) và chính quyền địa phương.

Theo Hiến pháp Đức, chính quyền địa phương là một thực thể rất quan trọng trong hệ thống chính trị. Điểm đặc trưng nhất của mô hình tổ chức chính quyền Đức là tính phân quyền và phân rất rõ trách nhiệm của từng cấp, cấp này làm thì cấp kia không làm. Và như vậy thì quyền của mỗi cấp mang tính chủ động và được phân cấp; đồng thời được phân nhiệm vụ thì cũng được phân ngân sách, tức là cấp đó sẽ có nguồn thu bảo đảm cho việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Những ưu điểm chính của mô hình chính quyền ba cấp

Có thể nói, mô hình chính quyền ba cấp khá phổ biến trên thế giới hiện nay. Mô hình này bao gồm chính quyền trung ương (quốc gia), chính quyền tỉnh (khu vực) và chính quyền địa phương (cơ sở). Qua nghiên cứu mô hình của phần lớn các quốc gia theo mô hình này, có thể nhận thấy, chính quyền 3 cấp là cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, phân bổ quyền lực và trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp quản lý, mang lại nhiều lợi ích, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đây là cơ sở để tinh gọn bộ máy ở trung ương: Với sự phân cấp phân quyền rõ ràng, chính quyền trung ương chỉ tập trung vào các vấn đề lớn như quốc phòng, ngoại giao, kinh tế vĩ mô, điều này sẽ giúp giảm tải rất lớn cho bộ máy ở trung ương, đồng thời có thể là cơ sở để tinh gọn các bộ trung ương.

Thứ hai, việc giảm bớt một cấp chính quyền sẽ giúp bộ máy hành chính giảm tầng nấc trung gian, việc chỉ đạo, điều hành có thể được thực hiện trực tiếp từ khu vực xuống cơ sở, rút ngắn thời gian giải quyết công việc, đẩy nhanh quá trình ra quyết định và thực thi chính sách. Đặc biệt, trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, chính quyền địa phương có thể nhanh chóng triển khai các biện pháp mà không cần chờ phê duyệt từ cấp cao hơn. Các địa phương có thể điều chỉnh chính sách phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương mình, tăng cường tính linh hoạt và thích ứng.

Thứ ba, bỏ bớt một cấp chính quyền giúp tiết kiệm đáng kể ngân sách phải nuôi bộ máy hành chính công kênh, từ đó có thể tập trung nguồn lực cho các dự án phát triển địa phương.

Nguồn: daibieunhandan.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: CÒN 22 TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ 03 ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Ngày 02/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Theo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chuyển đổi số quốc gia; quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của bộ theo quy định của pháp luật.

Nghị định quy định cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm 25 đơn vị: 1. Vụ Bru chính; 2. Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ; 3. Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ; 4. Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên; 5. Vụ Kinh tế và Xã hội số; 6. Vụ Kế hoạch - Tài chính; 7. Vụ Hợp tác quốc tế; 8. Vụ Pháp chế; 9. Vụ Tổ chức cán bộ; 10. Văn phòng Bộ; 11. Thanh tra Bộ; 12. Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; 13. Cục Bru điện Trung ương; 14. Cục Công nghiệp công nghệ thông tin; 15. Cục Chuyển đổi số quốc gia; 16. Cục Đổi mới sáng tạo; 17. Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ; 18. Cục Sở hữu trí tuệ; 19. Cục Tần số vô tuyến điện; 20. Cục Thông tin, Thống kê; 21. Cục Viễn thông; 22. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; 23. Trung tâm Công nghệ thông tin; 24. Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ; 25. Báo VnExpress.

Các đơn vị quy định từ Khoản 1 đến Khoản 22 Điều 3 Nghị định này là các tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ Khoản 23 đến khoản 25 là các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia được sử dụng con dấu hình Quốc huy.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ và danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc Bộ.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ theo thẩm quyền.

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông, Tạp chí Thông tin và Truyền thông tiếp tục hoạt động cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

và cơ cấu tổ chức của Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ. Thời gian thực hiện không quá 03 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Cục An toàn thông tin tiếp tục duy trì hoạt động để xử lý các vấn đề về tài chính, ngân sách nhà nước, tài sản công, các chương trình, dự án; nhân sự và các vấn đề còn tồn đọng khác (nếu có) trong thời gian không quá 03 tháng kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Báo VietNamNet tiếp tục hoạt động cho đến khi cấp có thẩm quyền phê duyệt việc chuyển Báo VietNamNet về trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong tháng 3 năm 2025.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2025; thay thế Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26/7/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: CÒN 30 TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Ngày 25/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng chống thiên tai; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có 30 đơn vị gồm: 1. Vụ Hợp tác quốc tế; 2. Vụ Kế hoạch - Tài chính; 3. Vụ Khoa học và Công nghệ; 4. Vụ Pháp chế; 5. Vụ Tổ chức cán bộ; 6. Văn phòng Bộ; 7. Thanh tra Bộ; 8. Cục Chuyển đổi số; 9. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; 10. Cục Chăn nuôi và Thú y; 11. Cục Thủy sản và Kiểm ngư; 12. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; 13. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi; 14. Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai; 15. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; 16. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; 17. Cục Quản lý đất đai; 18. Cục Quản lý tài nguyên nước; 19. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; 20. Cục Môi trường; 21. Cục Biến đổi khí hậu; 22. Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; 23. Cục Khí tượng Thủy văn; 24. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam; 25. Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; 26. Cục Viễn thám quốc gia; 27. Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường; 28. Báo Nông nghiệp và Môi trường; 29. Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường; 30. Trung tâm Khuyến nông quốc gia.

Các đơn vị từ Khoản 1 đến Khoản 26 Điều 3 Nghị định này là các đơn vị hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị từ Khoản 27 đến Khoản 30 Điều 3 Nghị định này là các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định về danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc Bộ theo quy định.

Vụ Kế hoạch - Tài chính có 03 phòng; Vụ Tổ chức cán bộ có 03 phòng.

Nghị định số 35/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2025, thay thế Nghị định 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 105/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cao Tuấn Anh, Trung tâm Công nghệ Thông tin, Bộ Nội vụ

CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ Y TẾ

Ngày 27/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.

Theo Nghị định, Bộ Y tế là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (trừ nhiệm vụ cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y, dược cổ truyền; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế và quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Nghị định nêu rõ, cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế gồm 20 đơn vị: 1. Vụ Bảo hiểm y tế. 2. Vụ Tổ chức cán bộ. 3. Vụ Kế hoạch - Tài chính. 4. Vụ Pháp chế. 5. Vụ Hợp tác quốc tế. 6. Văn phòng Bộ. 7. Thanh tra Bộ. 8. Cục Quản lý Khám, chữa bệnh. 9. Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền. 10. Cục Quản lý Dược. 11. Cục An toàn thực phẩm. 12. Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế. 13. Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo. 14. Cục Dân số. 15. Cục Phòng bệnh. 16. Cục Bà mẹ và Trẻ em. 17. Cục Bảo trợ xã hội. 18. Viện Chiến lược và Chính sách y tế. 19. Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia. 20. Báo Sức khỏe và Đời sống.

Các tổ chức quy định từ Khoản 1 đến Khoản 17 Điều 3 Nghị định này là các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ Khoản 18 đến Khoản 20 Điều 3 Nghị định này là các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Vụ Kế hoạch - Tài chính có 5 phòng.

Bộ trưởng Bộ Y tế trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc Bộ Y tế theo quy định.

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Y tế.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2025. Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ XÂY DỰNG

Ngày 25/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

Theo đó, Bộ Xây dựng là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Xây dựng

Về quy hoạch, kiến trúc, Bộ Xây dựng tổ chức lập, thẩm định Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn; chủ trì lập, thẩm định hợp phần về quy hoạch đô thị và nông thôn trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch khác theo quy định pháp luật về quy hoạch; ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch, lập quy chế quản lý kiến trúc; xây dựng, tổ chức thực hiện Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam phù hợp với từng giai đoạn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành; hướng dẫn việc lập danh mục và quản lý công trình kiến trúc có giá trị; xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quy hoạch, kiến trúc gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa; ban hành mẫu thiết kế kiến trúc cho các công trình công cộng, nhà ở nông thôn và các công trình kiến trúc khác theo quy định; quy định, hướng dẫn việc tổ chức thi tuyển ý tưởng quy hoạch, thi tuyển phương án kiến trúc và quản lý hành nghề về quy hoạch đô thị và nông thôn, hành nghề kiến trúc.

Về hoạt động đầu tư xây dựng, Bộ Xây dựng có nhiệm vụ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định về lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình; năng lực hoạt động xây dựng; nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại

Việt Nam; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; hướng dẫn áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng; việc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng, hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) theo quy định của pháp luật; hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng; công bố mẫu hợp đồng xây dựng; hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí, phương pháp xác định giá dịch vụ hạ tầng kỹ thuật; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật; công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; quản lý mã số chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; đăng tải công khai danh sách cá nhân, tổ chức được cấp chứng chỉ theo quy định; xây dựng, ban hành bộ câu hỏi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề; xây dựng, quản lý vận hành phần mềm sát hạch.

Về phát triển đô thị, Bộ Xây dựng có nhiệm vụ xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án quan trọng quốc gia về phát triển đô thị; các chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước theo từng giai đoạn; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định về: Quản lý quá trình đô thị hóa; quản lý, đầu tư phát triển không gian đô thị (bao gồm không gian trên mặt đất và không gian ngầm), các mô hình phát triển đô thị; quản lý kế hoạch, chương trình nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đô thị, nâng cao năng lực chống chịu ứng phó biến đổi khí hậu của đô thị; khai thác, sử dụng và bàn giao quản lý các khu đô thị; hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị; lập và quản lý chi phí các dịch vụ tiện ích trong khu đô thị, chi phí lập và thẩm định khu vực phát triển đô thị, chương trình phát triển đô thị, đề án, báo cáo phân loại đô thị; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt; tổ chức các hoạt động vận động, xúc tiến và điều phối các nguồn lực trong nước và nước ngoài cho việc đầu tư phát triển đô thị theo quy định của pháp luật và phân công của Chính phủ; tổ chức xây dựng, tích hợp, quản lý và khai thác hệ thống dữ liệu đô thị quốc gia.

Về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không dân dụng, Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kết cấu hạ tầng giao thông và quy định việc quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông theo thẩm quyền; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, cơ quan chủ quản quản lý các chương trình, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông; công bố danh mục dự án gọi vốn đầu tư và hình thức đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định của pháp luật; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc công bố, phân loại, đặt tên, điều chỉnh, đóng, mở, tháo dỡ, đưa vào khai thác, dừng, tạm dừng khai thác công trình đường bộ, đường sắt, đường

thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận, giấy phép theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Về nhà ở, Bộ Xây dựng có nhiệm vụ xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển các loại hình nhà ở, chương trình mục tiêu quốc gia có nội dung hỗ trợ nhà ở, chương trình đầu tư công về nhà ở; tổ chức chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển nhà ở xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia có nội dung hỗ trợ nhà ở; xây dựng Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia cho từng thời kỳ, xác định chỉ tiêu cơ bản về phát triển nhà ở trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn; tổ chức thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quy định về mức kinh phí để xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh; kiểm tra chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh theo quy định.

Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng mua bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở thuộc tài sản công; mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện, đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội; đại diện chủ sở hữu đối với nhà ở công vụ, nhà ở xã hội được đầu tư bằng vốn ngân sách trung ương; nhà ở sinh viên do cơ sở giáo dục công lập trực thuộc đang quản lý; ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; quy định chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý vận hành nhà chung cư; công khai danh mục đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

Bộ Xây dựng quy định về yêu cầu xây dựng về nhà ở nhiều tầng, nhiều căn hộ của cá nhân; kiểm tra việc dành quỹ đất và sự phù hợp của việc bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân trong các quy hoạch theo quy định; chấp thuận hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển đổi công năng nhà ở theo quy định của pháp luật.

Bộ Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kinh doanh bất động sản

Về thị trường bất động sản, Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng các đề án, chính sách phát triển, tổ chức thực hiện và quản lý kinh doanh bất động sản; biện pháp điều tiết thị trường bất động sản; quản lý việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, quản lý hoạt động môi giới bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản; ban hành chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; nghiên cứu mô hình sàn giao dịch bất động sản do Nhà nước quản lý.

Bộ Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về kinh doanh bất động sản, về điều kiện của tổ chức, cá nhân khi kinh doanh bất động sản, điều kiện của bất động sản được đưa vào kinh doanh và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, rà soát hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin quốc gia về nhà ở và thị trường bất động sản; kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản với cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan theo quy định của pháp luật; xây dựng và công bố các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản trên phạm vi cả nước.

Bộ Xây dựng thẩm định hoặc cho ý kiến đối với việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; có ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật.

Về vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng; tổ chức lập, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch khoáng sản nhóm II theo quy định của pháp luật về quy hoạch và khoáng sản; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch khoáng sản sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương; phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của địa phương trong quy hoạch tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra các địa phương và doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Về phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống, linh kiện phụ tùng của phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng, Bộ Xây dựng quy định việc đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa và xe máy chuyên dùng tham gia giao thông; tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; quy định chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động đối với phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển.

Bộ Xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, việc kiểm định, kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, quản lý hoạt động công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, các tổng thành, hệ thống, linh kiện phụ tùng của phương tiện; phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; các phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng, các công trình, phương tiện, thiết bị chuyên dùng sử dụng trong giao thông vận tải và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Bộ Xây dựng cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay; cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu đối với tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay khi xuất khẩu; cấp hoặc công nhận Giấy chứng nhận loại đối với tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay khi sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu.

Bộ Xây dựng quy định việc thẩm định thiết kế kỹ thuật trong sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, hoán cải, nhập khẩu phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

Bộ Xây dựng quy định việc đào tạo, huấn luyện, sát hạch, cấp, công nhận, thu hồi giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn cho người điều khiển phương tiện giao thông, người vận hành phương tiện, thiết bị chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ nhiệm vụ sát hạch, cấp Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; người điều khiển phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá); đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ kiểm định và đối tượng làm việc đặc thù trong lĩnh vực giao thông vận tải theo thẩm quyền.

Bộ Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều kiện kinh doanh vận tải, cơ chế, chính sách phát triển vận tải

Về vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng và vận tải đa phương thức, Bộ Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều kiện kinh doanh vận tải, cơ chế, chính sách phát triển vận tải, các dịch vụ hỗ trợ vận tải theo quy định của Chính phủ; xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực khai thác vận tải; công bố đường bay dân dụng sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép; công bố các tuyến vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và mạng vận tải công cộng theo quy định của pháp luật; hướng dẫn thực hiện vận tải đa phương thức theo quy định của Chính phủ; tổ chức cấp phép hoạt động bay dân dụng; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế phối hợp quản lý hoạt động bay dân dụng; quy định chi tiết việc quản lý hoạt động tại cảng hàng không, sân bay (không bao gồm hoạt động bay), cảng biển, cảng cạn, cảng, bến thủy nội địa, ga đường sắt và quản lý các tuyến vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải.

Về an ninh, an toàn giao thông (trừ nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không trong máy bay và trên mặt đất), Bộ Xây dựng chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án tổng thể về bảo đảm an toàn giao thông trên phạm vi cả nước sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ; ban hành Chương trình an ninh, an toàn hàng không dân dụng theo thẩm quyền; quy định chi tiết việc xây dựng, đánh giá, phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển, kế hoạch an ninh cảng biển và kế hoạch an ninh khu nước, vùng nước; quy định việc cấp chứng nhận liên quan đến an ninh tàu biển, an ninh cảng biển; chủ trì hoặc phối hợp thực hiện kiểm tra và cung cấp thông tin an ninh, an toàn hàng không dân dụng, hàng hải theo quy định của pháp luật; tổ chức điều tra sự cố, tai nạn tàu bay, tai nạn hàng hải theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện tìm kiếm cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu trong giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không dân dụng theo thẩm quyền.

Cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng

Bộ Xây dựng có 23 đơn vị, trong đó có 19 đơn vị là tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước gồm: 1. Văn phòng Bộ; 2. Thanh tra Bộ; 3. Vụ Hợp tác quốc tế; 4. Vụ Pháp chế; 5. Vụ Tổ chức cán bộ; 6. Vụ Kế hoạch - Tài chính; 7. Vụ Quy hoạch - Kiến trúc; 8. Vụ Vận tải và An toàn giao thông; 9. Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng; 10. Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng; 11. Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng; 12. Cục Phát triển đô thị; 13. Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng; 14. Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản; 15. Cục Đường bộ Việt Nam; 16. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; 17. Cục Hàng không Việt Nam; 18. Cục Đường sắt Việt Nam; 19. Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4 đơn vị là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của bộ gồm: 1. Trung tâm Công nghệ thông tin; 2. Báo Xây dựng; 3. Tạp chí Xây dựng; 4. Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán Bộ Xây dựng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2025.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: CÒN 25 TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Ngày 28/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; báo chí; phát thanh và truyền hình; thông tấn; xuất bản, in, phát hành; thông tin điện tử; thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có 25 đơn vị gồm: 1. Vụ Tổ chức cán bộ; 2. Vụ Kế hoạch, Tài chính; 3. Vụ Pháp chế; 4. Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường; 5. Văn phòng Bộ; 6. Thanh tra Bộ; 7. Cục Di sản văn hóa; 8- Cục Nghệ thuật biểu diễn; 9. Cục Điện ảnh; 10. Cục Bản quyền tác giả; 11. Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện; 12. Cục Hợp tác quốc tế; 13. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; 14. Cục Thể dục thể thao Việt Nam; 15. Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam; 16. Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam; 17. Cục Báo chí; 18. Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử; 19- Cục Xuất bản, In và Phát hành; 20. Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại; 21. Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam; 22. Báo Văn hóa; 23. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật; 24. Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch.; 25. Trường Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch.

Các tổ chức quy định từ Khoản 1 đến Khoản 20 Điều 3 Nghị định này là tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ Khoản

21 đến Khoản 25 Điều 3 Nghị định này là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp khác thuộc Bộ.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Vụ Kế hoạch, Tài chính có 04 phòng; Vụ Tổ chức cán bộ có 04 phòng.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/3/2025; thay thế Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16/01/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Cao Tuấn Anh, Trung tâm Công nghệ Thông tin

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Ngày 26/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Theo Nghị định, Bộ Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: Công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ và quyền hạn

Nghị định nêu rõ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Chính phủ và các nghị quyết, dự án, đề án theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề trình Quốc hội ban hành các chính sách dân tộc, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các dự án, công trình quan trọng quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị, chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ hoặc theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Về công tác dân tộc, Bộ Dân tộc và Tôn giáo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đặc thù, các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, xã an toàn khu; các chính sách đầu tư, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số; các chính sách, dự án hỗ trợ người dân ở các địa bàn đặc biệt khó khăn; các chính sách, dự án bảo tồn và phát triển đối với các nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách phát triển nguồn nhân lực, thu hút, tăng cường cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi; chính sách nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, chính sách đặc thù đối với cán bộ, công chức trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc; chính sách để đồng bào dân tộc thực hiện quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phong tục tập quán, truyền thống, văn hóa của dân tộc mình; chính sách đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo đáp ứng công tác giáo dục, đào tạo cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển, danh mục phân định các xã, thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển; tiêu chí xác định các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

Đồng thời, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan trong việc lập kế hoạch phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn lực khác cho các địa phương vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đề xuất và tham gia thẩm định các chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ quản lý đối với các trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác khi được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

Về tín ngưỡng, tôn giáo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo có nhiệm vụ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; tổ chức triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; làm đầu mối liên hệ với các tổ chức tôn giáo trong nước và quốc tế, đối ngoại tôn giáo và đấu tranh nhân quyền trên lĩnh vực tôn giáo; thúc đẩy tăng cường khối đại đoàn kết trong cộng đồng các tôn giáo ở Việt Nam; hướng dẫn các cộng đồng tín ngưỡng, tổ chức, cá nhân tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức có liên quan thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Quản lý thống nhất về xuất bản các ấn phẩm, sách kinh, tác phẩm, giáo trình giảng dạy, văn hoá phẩm thuần túy tín ngưỡng, tôn giáo của các cộng đồng tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo được nhà nước cho phép hoạt động.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng những điển hình tiên tiến là tập thể, cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi; khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng và áp dụng chế độ, chính sách đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Chỉ đạo, hướng dẫn và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình, dự án, đề án, chương trình mục tiêu quốc gia, công trình quan trọng quốc gia, quyết định, chỉ thị đã được ban hành hoặc phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật; thu hút nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; quản lý, chỉ đạo hoặc tham gia thực hiện các chương trình, dự án do nước ngoài, tổ chức quốc tế tài trợ, đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật.

Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng viên chức, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ theo quy định...

Cơ cấu tổ chức

Nghị định quy định cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm: 1. Vụ Kế hoạch - Tài chính; 2. Vụ Tổ chức cán bộ; 3. Vụ Pháp chế; 4. Vụ Hợp tác quốc tế; 5. Thanh tra Bộ; 6. Văn phòng Bộ; 7. Ban Tôn giáo Chính phủ; 8. Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo; 9.

Vụ Chính sách; 10. Trung tâm Chuyển đổi số; 11. Học viện Dân tộc; 12. Báo Dân tộc và Phát triển; 13. Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo.

Các đơn vị từ Khoản 1 đến Khoản 9 Điều 3 Nghị định này là các đơn vị giúp Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị từ Khoản 10 đến Khoản 13 Điều 3 Nghị định này là đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Ban Tôn giáo Chính phủ là tổ chức cấp cục, cơ cấu tổ chức gồm 7 đơn vị cấp phòng; Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ có đơn vị cấp phòng theo quy định.

Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo có 2 bộ phận đóng trụ sở tại tỉnh Đắk Lắk và thành phố Cần Thơ.

Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục đơn vị sự nghiệp công lập khác trực thuộc Bộ theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2025; thay thế Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc; bãi bỏ Khoản 14 Điều 2 Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

Quyết định ông Hoàng Trung Dũng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh khóa XV thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025; điều động, phân công, bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

Quyết định điều động, phân công, bổ nhiệm ông Nguyễn Hoàng Anh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

Quyết định điều động, phân công, bổ nhiệm bà Nguyễn Thúy Anh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội của Quốc hội khóa XV giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

Quyết định điều động, phân công, chỉ định ông Nguyễn Duy Lâm, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải (Bộ Xây dựng sau hợp nhất) tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Ông Nguyễn Tuấn Anh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Hậu Giang, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và giới thiệu bầu giữ chức vụ Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn Thế Mạnh, Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

* Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định số 516/QĐ-TTg bổ nhiệm lại ông Chu Hoàng Hà giữ chức Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ điều động, bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Tư pháp đối với đồng chí Nguyễn Thanh Ngọc, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 04/3/2025 về việc bổ nhiệm ông Phạm Mạnh Cường, Vụ trưởng Vụ Nông nghiệp, Văn phòng Chính phủ giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Quyết định số 505/QĐ-TTg về việc phủ phê chuẩn kết quả bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Đỗ Hữu Huy, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Quyết định số 498/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Đoàn Anh Dũng.

Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 28/02/2025 về việc phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Hoàng Phú Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Quyết định số 467/QĐ-TTg ngày 28/02/2025 về việc phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phùng Thành Vinh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Quyết định số 462/QĐ-TTg ngày 28/02/2025 về việc giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Trí Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 28/02/2025 về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phạm Thiện Nghĩa.

Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 về việc phê chuẩn kết quả bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Mạnh Sơn, Ủy viên ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân TP. Việt Trì.

Quyết định số 457/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Thanh Hải.

Quyết định số 448/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Dương Tất Thắng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân TP. Hà Tĩnh.

Quyết định số 447/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Ngọc Châu.

Quyết định số 445/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trương Cảnh Tuyên.

Thủ tướng Chính phủ lập 7 tổ công tác kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công tại Bộ, ngành, địa phương:

Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công hằng năm tại các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Cụ thể, thành lập 07 Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công hằng năm tại các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương (trường hợp Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình của cả nước), cụ thể:

Tổ công tác số 1: Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hoà Bình làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan trung ương: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ

Nội vụ; Thanh tra Chính phủ; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; các địa phương: Huế; Đà Nẵng; Quảng Nam; Quảng Ngãi; Bình Định; Phú Yên; Khánh Hòa; Ninh Thuận; Bình Thuận.

Tổ công tác số 2: Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; các địa phương: Hà Nội; Phú Thọ; Bắc Giang; Hòa Bình; Thanh Hóa; Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị.

Tổ công tác số 3: Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan trung ương: Bộ Tư pháp; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam; Hội Nhà báo Việt Nam; Hội Nhà văn Việt Nam; Hội Luật gia Việt Nam; các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh; Đồng Nai; Bình Dương; Bình Phước; Tây Ninh; Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tổ công tác số 4: Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan trung ương: Bộ Tài chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Ngân hàng Chính sách xã hội; Kiểm toán Nhà nước; Hội Nông dân Việt Nam; các địa phương: Hà Giang; Tuyên Quang; Cao Bằng; Lạng Sơn; Lào Cai; Yên Bái; Thái Nguyên; Bắc Kạn; Sơn La; Lai Châu; Điện Biên.

Tổ công tác số 5: Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan trung ương: Bộ Ngoại giao; Bộ Công Thương; Tập đoàn Điện lực Việt Nam; các địa phương: Long An; Tiền Giang; Bến Tre; Trà Vinh; Vĩnh Long; Cần Thơ; Hậu Giang; Sóc Trăng; An Giang; Đồng Tháp; Kiên Giang; Bạc Liêu; Cà Mau.

Tổ công tác số 6: Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan trung ương: Bộ Khoa học và Công nghệ; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; các địa phương: Hải Phòng; Quảng Ninh; Hải Dương; Hưng Yên; Vĩnh Phúc; Bắc Ninh; Hà Nam; Ninh Bình, Nam Định; Thái Bình.

Tổ công tác số 7: Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan trung ương: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Thông tấn xã Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam; các địa phương: Đắk Lắk; Đắk Nông; Gia Lai; Kon Tum; Lâm Đồng.

Quyết định số 523/QĐ-TTg nêu rõ, thành phần tham gia các Tổ công tác của Lãnh đạo Chính phủ gồm Lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường và một số cơ quan liên quan. Thành phần cụ thể từng Tổ công tác do Tổ trưởng quyết định.

Lãnh đạo Bộ Tài chính là Thường trực các Tổ công tác do Lãnh đạo Chính phủ làm Tổ trưởng, có trách nhiệm giúp Tổ trưởng xây dựng báo cáo chung của Tổ công tác tại buổi kiểm

tra và báo cáo kết quả kiểm tra, đề xuất, kiến nghị của Tổ công tác sau khi Tổ công tác đã thực hiện kiểm tra.

*** Bộ Quốc phòng:**

Đại tá Lê Huy, Phó Chủ nhiệm Chính trị Cảnh sát biển Việt Nam được bổ nhiệm giữ chức vụ Chính ủy Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2.

*** Bộ Công an:**

Thượng tá Lê Văn Thuận, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ Công an tỉnh Tây Ninh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an tỉnh Tây Ninh.

Thượng tá Lê Trung Ái, Trưởng Công an TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an tỉnh Tây Ninh.

*** Bộ Nội vụ:**

Quyết định về việc nghỉ chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, kể từ ngày 01/3/2025 đối với các ông/bà: Nguyễn Hữu Tuấn, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Vũ Đăng Minh, Chánh Văn phòng; Hoàng Quốc Long, Vụ trưởng Vụ Công tác thanh niên; Nguyễn Bích Thu, Quyền Vụ trưởng Vụ Tiền lương; Võ Thị Tuyết Thu, Phó Chánh Thanh tra Bộ; Nguyễn Ánh Chức, Phó Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ; Nguyễn Thị Hà, Phó Chủ tịch Thường trực Công đoàn Bộ Nội vụ; Đỗ Ngọc Toàn, Trưởng phòng, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; Hoàng Ngọc Anh, Phó Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính; Nguyễn Thị Bích Hợp, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Tổ chức nhà nước; Chu Tuấn Tú, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế; Cán Thị Bích, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ Nội vụ; Ngô Thị Xuân Lan, Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ và Quan hệ quốc tế, Ban Tôn giáo Chính phủ; Nguyễn Hữu Có, Giám đốc Nhà xuất bản Tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ.

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ, Cụ thể:

- Vụ Tổ chức - Biên chế: Vụ trưởng Vũ Hải Nam và 3 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Chính quyền địa phương: Vụ trưởng Phan Trung Tuấn và 3 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Công chức - Viên chức: Vụ trưởng Nguyễn Quang Dũng và 3 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Tổ chức phi chính phủ: Vụ trưởng Thang Thị Hạnh và 3 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Cải cách hành chính: Vụ trưởng Phạm Minh Hùng và 3 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Công tác thanh niên và Bình đẳng giới: Vụ trưởng Lê Khánh Lương và 5 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Hợp tác quốc tế: Vụ trưởng Lưu Quang Tuấn và 4 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Tổ chức cán bộ: Vụ trưởng Nguyễn Tuấn Ninh và 5 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Pháp chế: Vụ trưởng Nguyễn Văn Thủy và 3 Phó Vụ trưởng.
- Vụ Kế hoạch - Tài chính: Vụ trưởng Nguyễn Thị Bích Thủy và 4 Phó Vụ trưởng.

11. Thanh tra Bộ: 06 Phó Chánh Thanh tra. Phó Chánh Thanh tra Bộ Chu Thị Hồng Tâm điều hành Thanh tra Bộ.
12. Văn phòng Bộ: Chánh Văn phòng Vũ Xuân Hân và 5 Phó Chánh Văn phòng.
13. Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước: Cục trưởng Đặng Thanh Tùng và 3 Phó Cục trưởng.
14. Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội: Cục trưởng Phạm Trường Giang và 5 Phó Cục trưởng.
15. Cục Việc làm: Cục trưởng Vũ Trọng Bình và 4 Phó Cục trưởng.
16. Cục Quản lý lao động ngoài nước: Cục trưởng Tống Hải Nam và 3 Phó Cục trưởng.
17. Cục Người có công: Cục trưởng Đào Ngọc Lợi và 4 Phó Cục trưởng.
18. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương: Trưởng ban Phạm Huy Giang và 4 Phó Trưởng ban.
19. Trung tâm Công nghệ thông tin: Giám đốc Đỗ Chí Dũng và 4 Phó Giám đốc.
20. Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lao động: Viện trưởng Lê Anh Tuấn và 6 Phó Viện trưởng.
21. Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động: Tổng biên tập Trần Nghị và 2 Phó Tổng biên tập.
22. Báo Dân trí: Tổng biên tập Phạm Tuấn Anh và 2 Phó Tổng biên tập.
23. Trung tâm lao động ngoài nước: Giám đốc Đặng Huy Hồng và 3 Phó Giám đốc.
24. Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước: Giám đốc Tống Hải Nam và 1 Phó Giám đốc.
25. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng: Giám đốc Nguyễn Tuấn Anh và 2 Phó Giám đốc.

*** Bộ Tài chính:**

Ông Nguyễn Văn Thọ được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Hải quan.

Ông Lưu Mạnh Tường, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Hải quan, Bộ Tài chính.

Ông Âu Anh Tuấn, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Hải quan, Bộ Tài chính.

Ông Trần Đức Hùng, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Hải quan, Bộ Tài chính.

Kiện toàn lãnh đạo các đơn vị thuộc Cục Hải quan Việt Nam:

Quyết định số 931/QĐ-BTC bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm 12 đồng chí làm Trưởng ban và tương đương thuộc Cục Hải quan.

Cụ thể: bà Phạm Thị Thu Hương được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh văn phòng; ông Kim Long Biên được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Pháp chế; ông Lê Xuân Huế được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Thanh tra, kiểm tra; ông Trần Quang Trung giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

Ông Lê Đức Thành giữ chức vụ Trưởng ban Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan; ông Đào Duy Tám giữ chức vụ Trưởng ban giám sát quản lý về hải quan; ông Nguyễn Sỹ Hoàng giữ chức vụ Trưởng ban Nghiệp vụ thuế hải quan; ông Quách Đăng Hòa giữ chức vụ Trưởng ban Quản lý rủi ro; ông Trịnh Văn Nhuận giữ chức vụ Trưởng ban Tài vụ, quản trị;

ông Nguyễn Nhất Kha giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định Hải quan; ông Nguyễn Hồng Linh giữ chức vụ Chi cục trưởng Kiểm tra sau thông quan; ông Vũ Quang Toàn giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu.

*** Bộ Khoa học và Công nghệ:**

Công bố các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều động, bổ nhiệm lãnh đạo 25 đơn vị.

Cụ thể, cấp trưởng 25 đơn vị gồm: 1. Ông Lã Hoàng Trung, Vụ trưởng Vụ Bưu chính; 2. Bà Phạm Thị Vân Anh, Vụ trưởng Vụ Đánh giá và Thẩm định Công nghệ; 3. Ông Đàm Bạch Dương, Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ; 4. Ông Trần Quốc Cường, Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên; 5. Ông Trần Minh Tuấn, Vụ trưởng Vụ Kinh tế và Xã hội số; 6. Ông Nguyễn Nam Hải, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; 7. Ông Triệu Minh Long, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế; 8. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Vụ trưởng Vụ Pháp chế; 9. Bà Lê Hương Giang, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ; 10. Bà Hoàng Thị Phương Lưu, Chánh Văn phòng Bộ; 11. Bà Nguyễn Như Quỳnh, Chánh Thanh tra Bộ; 12. Ông Nguyễn Tuấn Khải, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; 13. Ông Trần Duy Ninh, Cục Bưu điện Trung ương; 14. Ông Nguyễn Khắc Lịch, Cục Công nghiệp công nghệ thông tin; 15. Ông Nguyễn Thành Phúc, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số Quốc gia; 16. Ông Nguyễn Mai Dương, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo; 17. Ông Phạm Hồng Quát, Cục trưởng Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ; 18. Ông Lưu Hoàng Long, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ; 19. Ông Lê Văn Tuấn, Cục trưởng Cục Tần số Vô Tuyến điện; 20. Ông Trần Đắc Hiến, Cục trưởng Cục Thông tin, Thống kê; 21. Ông Nguyễn Thành Chung, Cục trưởng Cục Viễn thông; 22. Ông Hà Minh Hiệp, Quyền Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; 23. Ông Đỗ Công Anh, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin; 24. Ông Vũ Văn Tích, Giám đốc Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ; 25. Ông Phạm Văn Hiếu, Tổng Biên tập Báo VnExpress.

*** Bộ Xây dựng:**

Bộ trưởng Bộ Xây dựng bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó đối với 145 cán bộ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, trong đó có 28 chức danh cấp trưởng các đơn vị, cụ thể như sau:

Văn phòng Bộ có 7 lãnh đạo, ông Nguyễn Trí Đức được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng.

Thanh tra Bộ có 5 lãnh đạo, ông Chu Hồng Uy được bổ nhiệm giữ chức Chánh Thanh tra.

Vụ Hợp tác quốc tế có 6 lãnh đạo, ông Nguyễn Trung Thành được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng.

Vụ Pháp chế có 5 lãnh đạo, bà Trần Thị Minh Hiền được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng.

Vụ Tổ chức cán bộ có 7 lãnh đạo, ông Vũ Thành Trung được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng.

Vụ Kế hoạch - Tài chính có 9 lãnh đạo, ông Trần Minh Phương được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng.

Vụ Quy hoạch - Kiến trúc có 3 lãnh đạo, bà Trần Thu Hằng được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng.

Vụ Vận tải và an toàn giao thông có 5 lãnh đạo, ông Hoàng Anh Tuấn được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng.

Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và vật liệu xây dựng có 11 lãnh đạo, ông Lê Trung Thành được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng.

Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng có 11 lãnh đạo, ông Lê Quyết Tiến được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng có 4 lãnh đạo, ông Hoàng Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Phát triển đô thị có 4 lãnh đạo, ông Trần Quốc Thái được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng có 6 lãnh đạo, ông Tạ Quang Vinh được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản có 3 người, bà Tống Thị Hạnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Đường bộ Việt Nam có 7 lãnh đạo, ông Bùi Quang Thái được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Hàng hải và đường thủy Việt Nam có 8 lãnh đạo, ông Lê Đỗ Mười được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Hàng không Việt Nam có 3 lãnh đạo, ông Uông Việt Dũng được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Đường sắt Việt Nam có 3 lãnh đạo, ông Trần Thiện Cảnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Cục Đăng kiểm Việt Nam có 4 lãnh đạo, ông Nguyễn Chiến Thắng được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Trung tâm công nghệ thông tin có 5 lãnh đạo, ông Lê Thanh Tùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc.

Báo Xây dựng có 5 lãnh đạo, bà Nguyễn Thị Hồng Nga được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng biên tập.

Tạp chí Xây dựng có 5 lãnh đạo, ông Nguyễn Thái Bình được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng biên tập.

Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ Xây dựng có 7 lãnh đạo, ông Ngô Anh Tuấn được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc.

Vụ Quản lý doanh nghiệp có 5 lãnh đạo, ông Vũ Ngọc Anh được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng.

Cục Y tế Giao thông vận tải có 1 lãnh đạo, ông Phạm Tùng Lâm được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng.

Ban Chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô có 2 lãnh đạo, trong đó bà Đỗ Thị Tường Nga được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng - Phó Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách Nhà ở và thị trường bất động sản có 1 người. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó vụ trưởng - Phó Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo.

Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia có 3 lãnh đạo, trong đó ông Trần Hữu Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh văn phòng Ủy ban.

*** Cục Hải quan:**

Ông Dương Phú Đông, Cục trưởng Cục Hải quan thành phố Hà Nội, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực I.

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn, Cục trưởng Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực II.

Ông Trần Mạnh Cường, Cục trưởng Cục Hải quan TP. Hải Phòng, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực III.

Ông Trần Mạnh Hùng, Phó Cục trưởng Cục Hải quan TP. Hải Phòng, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực IV.

Ông Phạm Chí Thành, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực V.

Ông Nguyễn Văn Hoàn, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực VI.

Ông Nông Phi Quảng, Phó Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực VII.

Ông Nguyễn Văn Nghiênn, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực VIII.

Ông Phạm Tiến Thành, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực IX.

Ông Dương Minh Đức, Phó Cục trưởng phụ trách Cục Hải quan Hà Nam Ninh, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực X.

Ông Bùi Thanh San, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XI.

Ông Dương Xuân Sinh, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XII

Ông Vũ Lê Quân, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XIII.

Ông Đỗ Việt Toàn, Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XIV.

Ông Nguyễn Trường Giang, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XV.

Ông Nguyễn Trần Hiệu, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Bình Dương, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XVI.

Ông Nguyễn Trung Hải, Chánh Văn phòng, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XVII.

Ông Lê Văn Thung, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XVIII.

Ông Vũ Anh, Cục trưởng Cục Hải quan TP. Cần Thơ, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XIX.

Ông Nguyễn Thanh Sang, Phó Cục trưởng Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu, Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XX.

*** TP. Hồ Chí Minh:**

Sở Dân tộc và Tôn giáo: Ông Nguyễn Duy Tân, Phó Giám đốc Sở Nội vụ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc. 5 Phó Giám đốc gồm các ông/bà: Huỳnh Văn Hồng Ngọc, Trần Xuân Điền, Đinh Văn Hòa, Tăng Phước Lộc và Đặng Thị Tuyết Mai.

Ông Vương Hoài Nam, Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị Thủ Thiêm được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố.

Ông Trương Thanh Bình, Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị Tây Bắc được điều động và bổ nhiệm giữ chức Phó Trưởng ban Ban Quản lý Phát triển đô thị thành phố.

Ông Trần Bạch Ngọc, Phó Trưởng ban Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp thành phố được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận.

*** Tỉnh Vĩnh Phúc:**

Ông Lưu Văn Dũng, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy.

Ông Nguyễn Xuân Quang, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài chính.

Bà Phạm Thị Hồng Nhung, Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Sở Nội vụ.

Ông Vũ Chí Giang, Giám đốc Sở Xây dựng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng.

Ông Hoàng Long Biên, Giám đốc Sở Giao thông vận tải được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

Ông Lê Anh Tân, Quyền Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Ông Nguyễn Văn Quân, Phó Giám đốc phụ trách Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ông Nguyễn Việt Hưng, Giám đốc Sở Ngoại vụ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo.

*** Tỉnh Lào Cai:**

Ông Nguyễn Thành Sinh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh được bầu bổ sung giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với bà Giàng Thị Dung do được phân công giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Lào Cai từ ngày 10/02/2025.

*** Tỉnh Hà Nam:**

Ông Trương Quốc Huy được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam, nhiệm kỳ 2020 - 2025; thay bà Lê Thị Thủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Chính phủ.

*** Tỉnh Nghệ An:**

Sở Nội vụ: Ông Nguyễn Việt Hưng, Giám đốc Sở Nội vụ (cũ) được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ (mới). Sở Nội vụ (mới) có 4 Phó Giám đốc gồm: Đậu Đình Dương; Nguyễn Thị Mai Thương; Lê Văn Lĩnh; Vi Ngọc Quỳnh.

Sở Tài chính: Ông Trịnh Thanh Hải, Giám đốc Sở Tài chính (cũ) được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài chính (mới). Sở Tài chính (mới) có 7 Phó Giám đốc gồm: Nguyễn Tiến Dũng; Nguyễn Việt Hưng; Đậu Thị Minh Loan; Hồ Việt Dũng; Phan Văn Hoan; Hồ Phi Triều; Nguyễn Hồng Tuấn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường: Ông Hoàng Quốc Việt, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (cũ) được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (mới). Sở Nông nghiệp và Môi trường (mới) có 7 Phó Giám đốc gồm: Nguyễn Hào; Trần Xuân Học; Nguyễn Danh Hùng; Võ Thị Nhung; Lê Quang Huy; Nguyễn Duy Nhật; Phạm Văn Toàn.

Sở Xây dựng: Ông Phạm Hồng Quang, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (cũ) được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng (mới). Sở Xây dựng (mới) có 7 Phó Giám đốc gồm: Hoàng Sỹ Kiện, Đoàn Văn Đại, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Đức An, Vương Đình Nhuận, Nguyễn Đình Khang, Hồ Bá Thái.

Sở Khoa học và Công nghệ: Ông Nguyễn Quý Linh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (cũ) được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (mới). Sở Khoa học và Công nghệ (mới) có 2 Phó Giám đốc gồm: Nguyễn Khắc Lâm, Võ Trọng Phú.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Ông Trần Thị Mỹ Hạnh, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao (cũ) được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (mới). Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (mới) có 6 Phó Giám đốc gồm: Quách Thị Cường, Bùi Công Vinh, Hoàng Văn Phúc, Nguyễn Bá Hào, Trần Xuân Cường, Nguyễn Thị Thành An.

Sở Dân tộc và Tôn giáo: Ông Vi Văn Sơn, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh (cũ) được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo (mới). Sở Dân tộc và Tôn giáo (mới) có 2 Phó Giám đốc gồm: Vy Mỹ Sơn, Lương Văn Khánh.

Bà Hồ Thị Châu Loan, Phó Giám đốc Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội (cũ) được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ông Nguyễn Văn Nam, Phó Giám đốc Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội (cũ) được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y tế.

Ông Võ Quang Tuấn, Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Công Thương.

*** Tỉnh Gia Lai:**

Ông Nguyễn Trường Sơn, nguyên Giám đốc Sở Giao thông Vận tải được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng. Các Phó Giám đốc gồm: ông Lý Tấn Toàn, ông Trần Đình Sơn, ông Hà Anh Thái.

Ông Đỗ Việt Hưng, nguyên Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, được bổ nhiệm Giám đốc Sở Tài chính. Các Phó Giám đốc gồm: bà Trần Thị Huệ, ông Trương Thanh Tùng, ông Đinh Hữu Hòa, ông Nguyễn Quảng Hà.

Ông Lưu Trung Nghĩa, nguyên Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Các Phó Giám đốc gồm: ông Đoàn Ngọc Có, ông Nguyễn Văn Hoan, ông Vũ Ngọc An, ông Lương Thanh Bình, ông Trần Quốc Khánh.

Ông Nguyễn Bá Thạch được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo. Phó Giám đốc là ông Trường Trung Tuyển.

Ông Phạm Minh Trung được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ. Các Phó Giám đốc gồm: ông Trần Đại Thắng, ông Phạm Trần Anh.

Ông Nguyễn Nam Hải tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Các Phó Giám đốc gồm: bà Nguyễn Thị Phương Mai, ông Phan Hồ Giang, ông Đặng Quang Khanh.

Ông Trần Ngọc Nhung tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Các Phó Giám đốc gồm: ông Nguyễn Văn Ý, bà Lê Thị Thu Hương.

Ông Lê Duy Định tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Các Phó Giám đốc gồm: ông Nguyễn Văn Long, bà Bùi Khoa Nghi, ông Trần Bá Công, ông Trần Thanh Hải.

Ông Phạm Văn Bình tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Công Thương. Các Phó Giám đốc gồm: ông Nguyễn Duy Lộc, bà Đào Thị Thu Nguyệt, ông Rcom Jen.

Ông Lý Minh Thái tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Y tế. Các Phó Giám đốc gồm: ông Đinh Hà Nam, bà Ksor Hiền.

Ông Vũ Tiến Anh tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Các Phó Chánh Văn phòng gồm: ông Trương Công Hoài, ông Trần Đình Triết, ông Nguyễn Văn Đức.

Công bố 11 lãnh đạo sở, ngành nghỉ hưu trước tuổi, gồm: bà Rcom Sa Duy ên, nguyên Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ông Nguyễn Tùng Khánh, nguyên Giám đốc Sở Ngoại vụ; Ông Nguyễn Đình Tiến, nguyên Giám đốc Sở Nội vụ; Ông Kpă Đô, nguyên Trưởng Ban Dân tộc; Ông Nguyễn Ngọc Cường, nguyên Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Ông Đặng Phan Chung, nguyên Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ông Đỗ Lê Nam, nguyên Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ; Ông Đặng Công Lâm, nguyên Phó Giám đốc Sở Tài chính; Ông Nguyễn Văn Hạnh, nguyên Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ông Nguyễn Kim Đại, nguyên Phó Giám đốc Sở Xây dựng; Ông Huỳnh Kim Đồng, nguyên Phó Ban Dân tộc.

*** Tỉnh Đồng Nai:**

Ông Nguyễn Tuấn Anh, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ông Nguyễn Hữu Nguyên, nguyên Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh (khóa X), nhiệm kỳ 2023 - 2028

*** Tỉnh Đồng Tháp:**

Ông Nguyễn Văn Vũ Minh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ.

Bà Nguyễn Lâm Thanh Thủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Bà Ngô Thị Ngọc Sương được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài chính .

Ông Trần Ngô Minh Tuấn được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Xây dựng.

Ông Lê Chí Thiện được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ông Nguyễn Phi Đa được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bà Phạm Thị Ngọc Đào, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Long An:**

Quyết định nghỉ chính sách với 7 trường hợp, gồm: Bà Nguyễn Hồng Mai, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Nguyễn Thanh Truyền, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ông Nguyễn Bá Luân, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; ông Lê Sơn Hà, Chánh Thanh tra tỉnh; bà Phan Thị Nguyệt, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Hồ Văn Dân, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; ông Trần Kỳ Đức, Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ: Ông Võ Thanh Phong giữ chức vụ Giám đốc. Các Phó Giám đốc gồm: Ông Nguyễn Đại Tánh, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Đặng Ngọc Tào, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Nguyễn Hoàng Minh, Phó Giám đốc Sở Nội vụ; ông Trần Hải Tuấn, Phó Giám đốc Sở Nội vụ và ông Nguyễn Văn Mung, Phó Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Sở Tài chính: Ông Trương Văn Liếp, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư giữ chức vụ Giám đốc. Các Phó Giám đốc gồm: Ông Nguyễn Tấn Quý, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; ông Trần Văn Tươi, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; bà Lê Thị Hồng Gấm, Phó Giám đốc Sở Tài chính; ông Trần Văn Vũ, Phó Giám đốc Sở Tài chính; ông Hồ Quốc Công, Phó Giám đốc Sở Tài chính.

Sở Xây dựng: Ông Đặng Hoàng Tuấn, Giám đốc Sở Giao thông vận tải giữ chức vụ Giám đốc. Các Phó Giám đốc gồm: Ông Nguyễn Thành Ngoãn, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải; ông Nguyễn Hoài Trung, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải; ông Lưu Văn Khánh, Phó Giám đốc Sở Xây dựng; ông Nguyễn Văn Trang, Phó Giám đốc Sở Xây dựng; ông Trần Bá Phước, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường: Ông Võ Minh Thành, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giữ chức vụ Giám đốc. Các Phó Giám đốc gồm: Ông Phan Văn Tâm, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; ông Phan Văn Cường, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; ông Nguyễn Tân Thuấn, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; ông Đỗ Hữu Phương, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; bà Đinh Thị Phương Khanh, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Khoa học và Công nghệ: Ông Nguyễn Minh Hải, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giữ chức vụ Giám đốc. Các Phó Giám đốc: Ông Bùi Nguyên Khởi, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; bà Hồ Thị Diệp Thúy, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; ông Võ Bửu Viêt Cường, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Ông Nguyễn Văn Hùng, Giám đốc Sở Xây dựng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

Ông Trần Thiện Trúc, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

Ông Nguyễn Thanh Phương, Giám đốc Ban Quản lý dự án nông nghiệp (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

Ông Nguyễn Anh Phương, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

Ông Phạm Văn Đô, Giám đốc Sở Tài chính được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Thanh tra tỉnh.

Ông Huỳnh Cao Chánh, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Ông Nguyễn Văn Thông, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn/vov.vn